**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TUẦN 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ 28/10/2024 đến 1/11/2024** | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài** | **Điều chỉnh** | | **Hai**  **(28/10)** | ***sáng*** | 1 | Chào cờ | Sinh hoạt dưới cờ: Làm chủ cảm xúc – Nghĩ tích cực |  | | 2 | Toán 1 | Ki-lô-mét vuông (tiết 1) | BT 1,2,3 | | 3 | Tiếng Việt 1 | Tục ngữ về ý chí, nghị lực |  | | 4 | Tiếng Việt 2 | Tục ngữ về ý chí, nghị lực |  | | ***Chiều*** | 1 | HĐTN | Đ/C Thu dạy |  | | 2 | Khoa học 1 | Đ/C Thu dạy |  | | 3 | Toán tăng | Làm tròn số thập phân. Ôn tập cácđơn vịđo diện tíchđã học. Héc - ta ( tiết 1) |  | | **Ba**  **(29/10)** | ***Chiều*** | 1 | Toán 2 | Ki-lô-mét vuông (tiết 2) | BT 4,5 | | 2 | Tiếng Việt 3 | Luyện tập tả người (Viết bài văn) |  | | 3 | TV tăng | Ôn tập viết văn tả người |  | | **Tư**  **(30/10)** | ***Sáng*** | 1 | Tiếng anh | Đ/C Thùy |  | | 2 | Tiếng anh | Đ/C Thùy |  | | 3 | Toán 3 | Em ôn lại những gì đã học (tiết 1) | BT 1,2,3 | | 4 | Tiếng Việt 4 | Trao đổi: *Em đọc sách báo* |  | | ***Chiều*** | 1 | Thể dục | Đ/C Khiêm dạy |  | | 2 | LS & ĐL 1 | Bài5.NướcVănLang, ÂuLạc (T3) | HĐ Luyện tập | | 3 | LS & ĐL 2 | Bài6.VươngquốcPhùNam (T1) | HĐ 1 | | **Năm**  **(31/10)** | ***Chiều*** | 1 | Toán 4 | Em ôn lại những gì đã học (tiết 2) | BT 4,5,6 | | 2 | Tiếng Việt 5 | Tiết mục đọc thơ | QCN: Quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân | | 3 | Toán tăng | Làm tròn số thập phân. Ôn tập cácđơn vịđo diện tíchđã học. Héc - ta ( tiết 2) |  | | **Sáu**  **(1/11)** | ***Sáng*** | 1 | Toán 5 | Em vui học Toán (tiết 1) | HĐ 1 | | 2 | Tiếng Việt 6 | Luyện tập về từ đa nghĩa |  | | 3 | Tiếng Việt 7 | Có công mài sắt, có ngày nên kim |  | | 4 | T. Việt tăng | Ôn tập về từđa nghĩa |  | | ***Chiều*** | 1 | Khoa học | Năng lượng và năng lượng chất đốt (Tiết 4) | HĐ thực hành: Thực hiện tiết kiệm chất đốt  QCN: Quyền được đảm bảo an toàn về tính mạng và sức khỏe | | 2 | Toán tăng | Ôn tập về cácđơn vịđo diện tíchđã học |  | | 3 | Sinh hoạt | **HĐTN:** *Chủ đề 2: Hành trình khôn lớn (tháng 10). Góc giải toả cảm xúc*  Sinh hoạt Đội |  | |

*Duyệt, ngày ..... tháng ..... năm 2024*

*Phó hiệu trưởng*

*Nguyễn Thị Hằng*

**Tuần 8**

*Thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2024*

***Buổi sáng*****TIẾT 1: CHÀO CỜ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)**  **-** GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở, chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.  **2. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)**  ***2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ***  - GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.  ***2.2. Tổng kết công tác tuần, triển khai công tác tuần 8***  - GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 7.  - GV TPT triển khai hoạt động tuần 8.  + Tiếp tục duy trì sĩ số.  + Thực hiện nghiêm túc việc để xe đạp đúng nơi qui định. nhắc nhở HS đi xe ở lớp mình thực hiện.  + Duy trì tốt việc mặc đồng phục theo những ngày qui định.  - Tuyên truyền phòng tránh bạo lực học đường.  - Tuyên truyền học sinh không được mang tiền, bánh kẹo đến lớp. Quán triệt Sao đỏ nghiêm túc thực hiện.  - HS các lớp chú ý chăm sóc tốt bồn hoa cây cảnh của lớp mình. Chú ý tưới cây, chăm sóc cây.  - Bồi dưỡng đội tuyển bóng đá  - Tiếp tục lập danh sách học sinh đăng kí tham gia CLB cờ vua.  - Kiểm tra việc thực hiện nền nếp.  - Họp BCH Liên đội định kì.  **3. TRẢI NGHIỆM (20 phút)**  *- HS về lớp tiếp tục tham gia học tập tiết HĐTN của lớp mình.* | - HS chào cờ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS về lớp thực hiện |

**HĐTN: Sinh hoạt dưới cờ: Làm chủ cảm xúc – Nghĩ tích cực**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng đặc thù:***

* *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* thiết kế, xây dựng *Bí kíp cảm xúc* và thực hành kiểm soát cảm xúc.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.
* Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **a. Mục tiêu:**Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Tham gia trò chuyện với thầy cô giáo về những cách kiểm soát cảm xúc hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày.  - Chia sẻ những điều em học được sau buổi trò chuyện.  **b. Cách tiến hành**  - Nhà trường tổ chức cho HS tham gia trò chuyện với thầy cô giáo về những cách kiểm soát cảm xúc hiệu quả trong cuộc sống hàng ngày.    - GV mới một số HS chia sẻ những điều em học được sau buổi trò chuyện:  *+ Những cảm xúc được thể hiện trong câu chuyện là gì?*  + Những điều em học được sau buổi trò chuyện.  *+ Nếu là em, em sẽ làm gì trong trường hợp câu chuyện?* | - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

................................................................................................................................................................................................................................................................……………………………………………………………..……………………………………………………………..

**Tiết 2 : TOÁN 1**

**BÀI 22. KI-LÔ-MÉT VUÔNG ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết đơn vị đo diện tích ki-lô-mét vuông: biểu tượng, tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa ki-lô-mét vuông với héc-ta, mét vuông.
* Đọc, viết các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông.
* Thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông.
* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”  - GV : “Đố bạn để đo diện tích của căn phòng ta dùng đơn vị gì?”  - HS trả lời.  - GV: “Đố bạn để đo diện tích của mặt bàn ta dùng đơn vị gì?  - HS trả lời.  ….  - GV: “Đố bạn để đo diện tích của một khu đô thị ta dùng đơn vị gì?”  - GV chiếu hình ảnh khởi động    - GV dẫn dắt: “*Để tìm hiểu câu trả lời cho câu hỏi trên, ta cùng học bài hôm nay: “****Bài 22: Ki-lô-mét vuông****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết, đọc và viết đơn vị ki-lô-mét vuông.  **b. Cách thức tiến hành**  - GV giới thiệu: “Để đo các diện tích lớn như diện tích một tỉnh, một thành phố, một khu rừng hay một vùng biển,…người ta thường dùng đơn vị ki-lô-mét vuông.”  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện tính diện tích của khu đô thị trong bài toán mở đầu.  ***Ki-lô-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1km.***  ***Ki-lô-mét vuông viết tắt là km2.***  - GV lấy ví dụ: 23 km2; 5,4 km2.  - GV gọi 3 – 4 HS đọc lần lượt.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, liên hệ bài toán mở đầu, chuyển đổi đơn vị giữa ki-lô-mét vuông và mét vuông, hec-ta.  + Đổi 1km = …..m.  + Thực hiện tính diện tích hình vuông với đơn vị mét vuông.  + 1 km2 bằng bao nhiêu m2 ?  + 1 km2 bằng bao nhiêu ha?  - GV chốt lại, HS nhắc lại.  **1 km2 = 1 000 000 m2; 1 km2 = 100 ha.**  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 1; 2; 3; 4; 5; 6 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *a) Đọc các số đo diện tích sau:*  *438 km2; km2; 17,5 km2; 45,71 km2.*  *b) Viết các số đo diện tích sau:*  *- Mười nghìn chín trăm ba mươi ki-lô-mét vuông.*  *- Mười lăm phẩy hai mươi sáu ki-lô-mét vuông.*  *- Chín trăm bốn mươi mốt phẩy bảy ki-lô-mét vuông.*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 2 - 3 HS trình bày kết quả.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Số?*  *a) 3 km2 =  m2*  *332 km2 = m2*  *b) 1 000 000 m2 =  km2*  *9 000 000 m2 = km2*  *c) 5 km2 =  ha*  *4 500 ha =  km2*  - GV cho HS làm bài vào vở cá nhân.  - Đổi vở với bạn cùng bàn, chữa đáp án.  - GV mời 1 - 2 HS lên bảng thực hiện bài, khuyến khích HS giải thích.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Bảng sau cho biết diện tích của ba thành phố (theo số liệu năm 2021):*    *a) Thành phố nào có diện tích bé nhất?*  *b) Thành phố nào có diện tích lớn nhất?*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, so sánh số đo các diện tích của thành phố trên.  + Sắp xếp các số đo theo thứ tự từ bé đến lớn.  - HS làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 5 trong SGK  - Hoàn thành BT trắc nghiệm.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *5 km2 8ha = ….ha*   |  |  | | --- | --- | | *A. 58* | *B. 580.* | | *C. 508.* | *D. 5 008.* |   *b) Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *9 km2 ….. 910 ha*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *A. <* | *B. =.* | *C. >.* | *D. Khác.* |   *Bảng sau thống kê số liệu về “Diện tích các tỉnh khu vực Tây Nguyên”, em hãy cho biết:*   |  |  | | --- | --- | | *Tên tỉnh* | *Diện tích* | | *Đắk Lắk* | *13 125,4 km2* | | *Đắk Nông* | *6 515,6 km2* | | *Gia Lai* | *15 536,9 km2* | | *Lâm Đồng* | *9 773,5 km2* | | *Kom Tum* | *9 689,6 km2* |   *c) Tỉnh nào có diện tích lớn nhất?*   |  |  | | --- | --- | | *A. Đắk Lắk* | *B. Gia Lai* | | *C. Lâm Đồng* | *D. Kom Tum* |   *d) Tỉnh nào có diện tích bé nhất?*   |  |  | | --- | --- | | *A. Đắk Nông* | *B. Kom Tum* | | *C. Lâm Đồng* | *D. Đắk Lắk* |   *e) Chọn đáp án đúng:*  *A. 15 km2 = 1 500 000 m2.*  *B. 6 km2 170m2 = 6 170 m2*  *C. 70km2 19 ha = 70019ha*  *D. 6 km2 9ha = 6 090 000 m2*  - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 23 – *Em ôn lại những gì đã học.* | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  - GV : “Đố bạn để đo diện tích của căn phòng ta dùng đơn vị gì?”  - HS: Đơn vị mét vuông.  - GV: “Đố bạn để đo diện tích của mặt bàn ta dùng đơn vị gì?  - HS đơn vị đề-xi-mét vuông.  ….  - HS: ?  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS chú ý nghe, ghi chép bài vào vở.  - HS trả lời:  *Diện tích của khu đô thị là:*  *1 1 = 1 (km2)*  - HS đọc:  23 km2: hai mươi ba ki-lô-mét vuông.  5,4 km2: năm phẩy tư ki-lô-mét vuông.  - HS thảo luận nhóm, trả lời:  + 1 km = 1 000m  + Diện tích khu đô thị là:  1 000 1 000 = 1 000 000 m2  + 1 km2 = 1 000 000 m2  + 1 000 000 m2 = 100 ha  Vậy 1 km2 = 100 ha  - HS lắng nghe, ghi vở, đồng thanh.  + Cá nhân – cặp đôi – đồng thanh.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) 438 km2: Bốn trăm ba mươi tám ki-lô-mét vuông.*  *km2: Một phần năm trăm ki-lô-mét vuông.*  *17,5 km2: Mười bảy phẩy năm ki-lô-mét vuông.*  *45,71 km2: Bốn mươi lăm phẩy bảy mươi một ki-lô-mét vuông.*  *b) Mười nghìn chín trăm ba mươi ki-lô-mét vuông: 10 930 km2.*  *- Mười lăm phẩy hai mươi sáu ki-lô-mét vuông: 15,26 km2.*  *- Chín trăm bốn mươi mốt phẩy bảy ki-lô-mét vuông: 941,7 km2.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) 3 km2 = 3 000 000 m2*  *332 km2 = 332 000 000 m2*  *b) 1 000 000 m2 = 1 km2*  *9 000 000 m2 = 9 km2*  *c) 5 km2 = 500 ha*  *4 500 ha = 45 km2*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)* ***ChọnC***  *b) Ta có: 9 km2 = 900 ha*  *mà 900 < 910*  ***Chọn A.***  *c) Ta có: 15 536,9 > 13 125,4 > 9 773,5 > 9 689,6 > 6 515,6.*  *Vậy Tỉnh Gia Lai có diện tích lớn nhất.*  ***Chọn B.***  *d) Tỉnh Đắk Nông có diện tích bé nhất.*  ***Chọn A.***  *e)****Chọn D.***  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

............................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………

**TIẾT 3 + 4: TIẾNG VIỆT 1+2**

**ĐỌC 3: TỤC NGỮ VỀ Ý CHÍ, NGHỊ LỰC ( 2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng / phút.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Tìm từ trong từ điển nhanh hơn trước. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: *Bài đọc khuyên chung ta phải có ý chí, nghị lực để đạt được thành công*.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay; biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ và chi tiết đó.

**3. Phẩm chất**

* Góp phần bồi dưỡng chăm chỉ, trách nhiệm: thể hiện được quyết tâm, ý thức kiên trì vượt qua khó khăn thử thách,...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.
* Tranh minh họa bài đọc*.*
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV cho HS xem video về *Nick Vujicic - Bài Học Về Nghị Lực Phi Thường - Động Lực Sống*  <https://www.youtube.com/watch?v=cOsG32MuQWQ>  - GV giới thiệu bài học mới.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ khó, luyện cách ngắt nghỉ và đọc câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Giọng đọc nhịp nhàng, rõ ràng, dứt khoát; nhấn giọng ở những từ ngữ ở cuối câu, ngắt nghỉ câu hợp lý*  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số câu dài:  *+ Luyện đọc một số từ khó: sóng cả, nói ngả, nói nghiêng…*  *+ Luyện đọc câu dài: Ngọc kia/ chuốt mãi cùng tròn,/ Sắt kia mài mãi/ cũng còn nên kim.//*  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  *+ miệt mài: chăm chỉ bền bỉ để thực hiện một công việc.*  *+ keo: một lần đấu sức.*  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi dưới đây:  *+ Câu 1. Dựa theo nội dung, xếp các câu tục ngữ trên vào nhóm phù hợp:*  *a) Khẳng định một lẽ phải: Có ý chí thì nhất định thành công.*  *b) Khuyên mọi người quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã chọn.*  *c) Khuyên mọi người không nản long khi gặp khó khăn.*  *+ Câu 2. Từ bài tập 1, em hiểu tục ngữ thường có nội dung như thế nào?*  *+ Câu 3. Em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức của các câu tục ngữ trong bài đọc?*  *a) Ngắn gọn*  *b) Giàu hình ảnh*  *c) Có vần điệu*  *d) Là câu thơ*  *+ Câu 4. Câu tục ngữ nào trong bài đọc để lại cho em ấn tượng đặc biệt nhất? Vì sao?*  *+ Câu 5. Nếu muốn tự khuyên mình kiên trì học tập, em sẽ dùng câu tục ngữ nào? Vì sao?*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Câu 1:*  *a) 1.; 2.; 4.; 5.; 10.*  *b) 9.*  *c) 3.; 6.; 7.; 8.*  *+ Câu 2: Tục ngữ thường nêu những kinh nghiệm được nhân dân tích lũy trong cuộc sống; từ đó, cho ta những lời khuyên về cách sống, cách ứng xử đúng đắn.*  *+ Câu 3: HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Tục ngữ khẳng định một lẽ phải. / Tục ngữ khuyên ta những điều tốt đẹp. / Tục ngữ khuyên ta sống tốt hơn. /*  *\* GV giới thiệu thêm: Tục ngữ không phải là câu thơ. Câu thơ là sản phẩm lời nói có vần điệu, do một người nào đó tạo ra. Tuy nội dung của câu thơ có thể là một lời khẳng định hoặc khuyên, nhưng thơ thiên về biểu hiện cảm xúc. Còn tục ngữ được coi là sản phẩm chung của cả xã hội (mặc dù có thể lúc đầu do một người nào đó tạo ra); nội dung của tục ngữ là những kinh nghiệm sống, tri thức thực tiễn hoặc là lời khuyên về cách sống đúng đắn…; nội dung của tục ngữ thiên về lí trí. Một số câu tục ngữ có hình thức giống câu thơ, nhưng phần lớn tục ngữ có hình thức không giống câu thơ.*  *+ Câu 4: HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Em thích câu tục ngữ Có công mài sắt, có ngày nên kim, vì em đã được đọc câu chuyện cùng tên. Câu chuyện đó đã giúp em nỗ lực hơn trong học tập. / Em thích nhất câu tục ngữ Thất bại là mẹ thành công, vì câu tục ngữ này giúp em vượt qua những chán nản mỗi khi không thành công. / ...*  *+ Câu 5: HS tự chọn một câu tục ngữ và giải thích sự lựa chọn của mình. VD: Em sẽ dùng câu tục ngữ Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi, vì câu tục ngữ này giúp em tự tin học tập và rèn luyện. / Em sẽ dùng câu tục ngữ Lửa thử vàng, gian nan thử sức, vì câu tục ngữ này giúp em mạnh mẽ hơn, quyết tâm vượt qua thách thức để khẳng định bản thân. / ...*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại được nội dung, ý nghĩa bài đọc; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc *Tục ngữ về ý chí, nghị lực.*  - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp 10 đoạn và xác định giọng đọc đoạn này: *Đọc khuyên nhủ, dứt khoát; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.*  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp 10 đoạn.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Củng cố kiến thức bài đọc *Tục ngữ về ý chí, nghị lực*.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức trò chơi *Ai thông minh hơn học sinh lớp 5* để HS củng cố bài.  - GV phổ biến trò chơi như sau: *GV sẽ chiếu từng câu hỏi trắc nghiệm lên màn hình, HS giơ tay phát biểu sau hiệu lệnh của GV. HS nào trả lời được nhiều câu đúng sẽ được phần thưởng từ GV.*  - GV chiếu từng câu hỏi lên màn hình:  ***+ Câu 1: Câu tục ngữ số 4 thường được dùng để khuyên nhủ ai?***  *4. Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi.*  *A. Những người đang học tập, rèn luyện*  *B. Những người đang buôn bán ở chợ*  *C. Những người đang thất nghiệp, không đi làm*  *D. Những người lính chiến đấu bảo vệ tổ quốc*  ***+ Câu 2: Vế câu "Lửa thử vàng" có vai trò gì đối với câu tục ngữ "Lửa thử vàng, gian nan thử sức."?***  *A. Giúp tăng giá trị và ý nghĩa của câu tục ngữ*  *B. Giúp câu tục ngữ có vần điệu, dễ nhớ dễ thuộc hơn*  *C. Giúp tăng sự thuyết phục cho câu tục ngữ*  *D. Giúp thu hút sự chú ý của người nghe*  ***+ Câu 3: Câu tục ngữ sau khuyên người ta điều gì?***  *2. Có công mài sắt, có ngày nên kim.*  *A. Cần phải bỏ ra công sức, trí tuệ thì mới thành công*  *B. Cần phải có sự kiên trì, ý chí kiện định với mục tiêu thì mới thành công*  *C. Hãy mài sắt mỗi ngày để có được một cây kim như ý*  *D. Cần biết mài sắt mỗi ngày để thành công*  ***+ Câu 4: Nêu nội dung của câu tục ngữ sau:***  *1.Người có chí thì nên Nhà có nền thì vững.*  *A. Người có ý chí, sự kiên trì thì sẽ thành công*  *B. Con người không thể sống nếu không có ý chí, nghị lực*  *C. Nhà cần có nền móng vững chãi thì mới kiên cố*  *D. Con người cần sống có ý chí, nghị lực*  ***+ Câu 5: Các câu tục ngữ sau đây cùng sử dụng biện pháp tu từ nào?***  *a. Người có chí thì nên Nhà có nền thì vững.*  *b. Có công mài sắt, có ngày nên kim.*  *c. Lửa thử vàng, gian nan thử sức.*  *d. Thua keo này, bày keo khác.*  *e. Thắng không kiêu, bại không nản.*  *A. Biện pháp tu từ nhân hóa*  *B. Biện pháp tu từ so sánh*  *C. Biệp pháp tu từ điệp ngữ*  *D. Biện pháp tu từ điệp từ*  - GV mời đại diện lần lượt HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. A | 2. C | 3. B | 4. A | 5. D |   **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt.  - Khuyến khích HS tìm đọc những bài viết về chủ điểm. | - HS xem video.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhắc lại nội dung bài.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn trò chơi.  - HS theo dõi từng câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có)  - HS quan sát, tiếp thu  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN TĂNG**

**LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN**

**ÔN TẬP CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC**

**HÉC – TA** ( tiết 1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cho HS cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

- Củng cố cho HS việc chuyển đổi, tính toán với các số đo diện tích (*mm2, cm2, dm2, m2*) trong một số trường hợp đơn giản; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo diện tích trong một số trường hợp đơn giản.

- Củng cố cách đọc, viết các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung:**- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, ....

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Vở BTPTNL lớp 5 tập 1….

- HS : Vở BTPTNL lớp 5 ,bút, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  **-** GV cho HS làm tròn các số thập phân 3,12 và 45, 87 đến hàng phần trăm.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, kết luận. Giới thiệu bài  **2. Hoạt động luyện tập:**  **Bài 1 ( trang 28 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Nêu cách làm tròn số thập phân.  - Cho cả lớp làm bài vào vở BT  - Gọi HS nêu kết quả  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung (nếu cần).  *- GV: Củng cố cách làm tròn số thập phân*  **Bài 3 ( trang 29 – VBT PTNL)**  - Bài yêu cầu gì?  - Cho cả lớp làm bài vào VBT  - Gọi 2 HS lên làm bảng lớp  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét, kết luận  *- GV: Củng cố cách chuyển đổi các đơn vị đo diện tích.*  **Bài 4( trang 29– VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS làm VBT  - Gọi HS đọc nối tiếp phần a, gọi 3HS lên bảng viết phần b  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét  *- GV: Củng cố lại cách đọc, viết số đo đơn vị héc - ta*  **Bài 5( trang 21 – VBT PTNL)**  - Bài yêu cầu gì?  - Yêu cầu HS làm VBT  - Gọi HS lên bảng làm bài.  - GV nhận xét, chốt kết quả  - Cho HS đổi chéo vở kiểm tra  *- GV: Củng cố lại cách chuyển đổi các đơn vị diện tích liên quan đến héc - ta*  **4. Vận dụng :**  - GV nhận xét tiết học.  - HS nêu lại nội dung bài | - HS thực hiện  - HS đọc đề  - HS nêu  - Cả lớp làm vào vở  - HS nêu kết quả  - Nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời  - Cả lớp làm vở BT  - 2HS làm bảng lớp  - HS lắng nghe  - HS đọc  - Cả lớp làm VBT  - HS thực hiện  - HS nhận xét  - HS trả lời  - HS làm VBT  - HS thực hiện  - HS đổi chéo vở kiểm tra  - HS lắng nghe  - HS nêu lại nội dung bài |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**.............................................................................................**

**Thứ ba ngày 29 tháng 10 năm 2024**

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN 2**

**BÀI 22. KI-LÔ-MÉT VUÔNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết đơn vị đo diện tích ki-lô-mét vuông: biểu tượng, tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa ki-lô-mét vuông với héc-ta, mét vuông.
* Đọc, viết các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông.
* Thực hiện được việc chuyển đổi, tính toán với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét vuông.
* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”  về kiến thức ki-lô-mét vuông  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Chọn đơn vị đo diện tích (km2, ha, m2) thích hợp vào ô :*  *a) Diện tích căn phòng khoảng 60 .*  *b) Diện tích hồ nước khoảng 6.*  *c) Diện tích khu rừng khoảng 6.*  - HS thảo luận với bạn cùng bàn, nói cho nhau nghe ý nghĩa của các đơn vị đo diện tích và trình bày bài làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  *Đại Nội Huế là một phần trong Quần thể di tích Cố đô Huế có diện tích khoảng 520 ha. Hỏi Đại Nội Huế có diện tích khoảng bao nhiêu mét vuông?*    - HS trình bày vào vở cá nhân.  - HS đổi vở, kiểm tra kết quả.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***  *Mật độ dân số là số chỉ số dân trung bình sống trên 1 km2 diện tích lãnh thổ (hoặc diện tích đất tự nhiên).*  *Quan sát biểu đồ dưới đây rồi trả lời các câu hỏi:*    *a) Thành phố nào có mật độ dân số cao nhất?*  *b) Thành phố nào có mật độ dân số thấp nhất?*  - GV giải thích cho HS khái niệm về “Mật độ dân số” và hướng dẫn HS đọc biểu đồ.  - HS trình bày vào vở cá nhân.  - HS đổi vở, kiểm tra kết quả.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ***  *Tìm hiểu trên sách, báo, internet và các phương tiện truyền thông khác thông tin về diện tích. Chẳng hạn: Liên bang Nga là quốc gia có diện tích lớn nhất thế giới với hơn 17 triệu km2; Diện tích đất liền trên Trái Đất khoảng 149 triệu km2*    - GV cho HS hoàn thành ở nhà, chia sẻ kết quả với bạn cùng bàn.  - GV giới thiệu một vài địa điểm:  *Diện tích đất nước Việt Nam khoảng 331,690 km2xếp thứ 66 trên thế giới và có diện tích lớn thứ 4 Đông Nam Á. Trong đó có khoảng 327,480 km2 diện tích đất liền và hơn 4 500 km2 biển nội thủy.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 23 – *Em ôn lại những gì đã học.* | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của quản trò  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Diện tích căn phòng khoảng 60 m2.*  *b) Diện tích hồ nước khoảng 6 ha.*  *c) Diện tích khu rừng khoảng 6 km2.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Ta có: 520 ha = 5 200 000 m2.*  *Vậy Đại Nội Huế có diện tích 5 200 000 m2.*  - HS lắng nghe và hoàn thành bài.  - Kết quả:  *a) Thành phố Hồ Chí Minh có mật độ dân số lớn nhất.*  *b) Thành phố Đà Nẵng có mật độ dân số thấp nhất.*  - HS tự hoàn thành bài.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 3**

**BÀI VIẾT 3: LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

***(Viết bài văn)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Viết được bài văn tả người có cấu tạo hợp lí, thể hiện được sự quan sát và cảm nhận riêng, bước đầu sử dụng được từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh,... làm cho bài văn thêm sinh động.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* bài viết thể hiện rõ ràng suy nghĩ, cảm xúc của bản thân..
* *Năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết dựa vào dàn ý đã xây dựng để viết bài văn; bước đầu biết sử dụng từ ngữ sáng tạo để biểu đạt nội dung…

***Năng lực văn học:***

* Viết được bài văn mạch lạc, trong đoạn văn có một số từ ngữ giàu hình ảnh/ cảm xúc.
* Bước đầu biết sử dụng từ ngữ gợi tả, những câu văn giàu hình ảnh; thể hiện được tình cảm của bản thân đối với người được tả.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm (chăm học, viết bài cẩn thận, đọc lại cẩn thận và hoàn thiện bài viết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, VBT Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV cho cả lớp cùng hát một bài để tạo không khí vui tươi trước khi vào giờ học.  - GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới:*Ở các bài trước, các em đã tập viết đoạn mở bài, đoạn kết bài, đoạn văn tả ngoại hình và đoạn văn tả hoạt động, tính cách của người. Hôm nay, các em sẽ tập viết bài văn tả người.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị viết bài văn (thực hiện nhanh)**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Nắm được yêu cầu BT.  - Chuẩn bị để viết bài.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và các gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo: *Dựa vào dàn ý đã lập, viết bài văn tả một người bạn mà em quý mến.*  - GV hướng dẫn HS một số việc cần thực hiện:  *+ Đọc thầm lại dàn ý đã lập, điều chỉnh dàn ý (nếu cần).*  *+ Dựa vào dàn ý để viết bài văn. Chú ý viết câu đúng cấu tạo ngữ pháp, lựa chọn từ ngữ phù hợp, giàu hình ảnh,...*  + Đọc lại bài viết: *phát hiện và sửa lỗi (nếu có); sửa bài viết cho hay (thay thế từ ngữ, viết lại câu,...)*  **Hoạt động 2: Dựa theo dàn ý đã lập, viết bài văn tả một người bạn mà em quý mến**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS ôn lại kiến thức.  - HS viết bài.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức cho HS viết bài văn vào VBT (hoặc vở ô li), trang trí, tô màu hoặc gắn tranh, ảnh (nếu có).  - GV tạo không khí yên tĩnh để HS làm bài; đồng thời theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS; khuyến khích HS khá, giỏi lựa chọn từ ngữ, viết câu hình ảnh, giàu cảm xúc.  - GV hướng dẫn HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV khen ngợi, động viên HS.  - GV nhắc HS chuẩn bị trước cho tiết Nói và nghe: *Ý chí, nghị lực.* | - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc yêu cầu BT.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS viết bài.  - HS viết bài.  - HS hoàn thiện bài.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT TĂNG**

**ÔN TẬP VIẾT VĂN TẢ NGƯỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố kiến thức về văn tả ng­ười.

- HS vận dụng kiến thức đã học về văn tả ng­ười để lập dàn ý về bài văn tả người: tả một người nghệ sĩ hài mà em yêu thích.Rèn kĩ năng viết đúng, viết đẹp theo mẫu kiểu chữ đứng, trình bày bài viết khoa học, sạch đẹp

- Giúp học sinh biết được tác dụng của tiếng cười trong cuộc sống.Giáo dục tính kiên trì, cẩn thận.

II.**ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Đề bài, bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động*:***  - Nhắc lại kiến thức cần nhớ về văn tả ngư­ời.  GV chốt lại. | - Nối tiếp HS nhắc lại. |
| **2. Thực hành*:***  *Đề bài: Em hãy tả lại một ng­ười nghệ sĩ hài mà em yêu thích.* | - HS đọc đề bài. |
| - GV hư­ớng dẫn HS phân tích đề.  - H­ướng dẫn HS lập dàn bài. | - Xác định thể loại.  - Đối tư­ợng tả, trọng tâm tả. |
| + MB: Giới thiệu ng­ười nghệ sĩ hài em định tả (tên là gì? Em biết trong tr­ường hợp nào?)  + TB: Tả bao quát hình dáng.  - Tả chi tiết: N­ước da, dáng ngư­ời, giọng nói,.... ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ. | - HS lập dàn bài vào vở.  + MB: Trong các nghệ sĩ hài của miền Bắc, em thích nhất nghệ sĩ hài Vân Dung (Quang Thắng, Xuân Bắc,...) trong  chư­ơng trình gặp nhau cuối năm.  + TB:  (HS có thể tả hình dáng xen lẫn hoạt động, điệu bộ gây c­ười.) |
| + Tả hoạt động tính tình. |  |
| - Có những động tác nào gây c­ười trên sân khấu?...... |  |
|  | - 1 HS làm bảng nhóm, lớp làm vở. |
| + KL: Nêu cảm nghĩ về ng­ười nghệ sĩ đó. | Em rất yêu quý cô Vân Dung. Cô thật là hài h­ước và hóm hỉnh. Em mong cô sẽ có nhiều vai diễn hay hơn nữa để mang lại tiếng cười sảng khoái cho các khán giả.  - Đính bảng nhóm lên bảng, chữa hoàn chỉnh 1 dàn bài. |
| - GV nhận xét bổ sung để hoàn thiện 1 dàn bài trên bảng nhóm. | - Một số HS đọc phần dàn bài trước lớp.  -Lớp nhận xét, sửa cho nhau. |

- Chuẩn bị bài sau: Viết bài văn hoàn chỉnh.

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ tư ngày 30 tháng 10 năm 2024*

***Buổi sáng* TIẾT 1: TOÁN 3**

**BÀI 23. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Ôn tập phân số, thực hiện quy đồng mẫu, so sánh phân số, thực hiện được các phép tính với phân số.
* Ôn tập phân số thập phân, hỗn số.
* Ôn tập cấu tạo số thập phân, viết, đọc số thập phân, viết số đo đại lượng thành số thập phân, so sánh, làm tròn số thập phân.
* Ôn tập các bài toán: tổng – tỉ, hiệu - tỉ, bài toán liên quan đến quan hệ phụ thuộc.
* Vận dụng giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tế.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”, nói cho bạn nghe những điều học được trong chủ đề này.  - GV mời 1 HS đứng tại chỗ nói 1 điều mà mình đã học trong chủ đề 1. Nếu HS đó trả lời đúng thì được “truyền điện” đến HS khác, yêu cầu nói tiếp 1 điều học được trong chủ đề này. Nếu bạn nào sai sẽ bị phạt và không được truyền điện nữa.  Thời gian tổ chức: 5 – 10 phút.  - GV dẫn dắt: “*Bài học hôm nay, cô và các bạn sẽ cùng ôn tập và củng cố lại các kiến thức quan trọng trong chủ đề 1*.*“****Bài 23: Em ôn lại những gì đã học****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập2; 3 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT2***  *a) Nêu phân số hoặc hỗn số chỉ phần đã tô màu trong các hình sau:*    - GV mời 1 – 2 HS đứng tại chỗ trình bày đáp án.  - GV nhận xét, chốt đáp án.  *b) >; <; =?*    - GV cho HS nhắc lại cách so sánh hai phân số khác mẫu.  - HS vận dụng, làm bài tập.  - HS đổi vở, chữa bài cho nhau.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  *c) Tìm lỗi sai rồi sửa lại cho đúng:*    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở cá nhân.  - GV mời 2 - 3 HS trình bày kết quả, khuyến khích HS giải thích.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  *d) Tính:*    - HS trình bày vào vở cá nhân.  - GV lưu ý cho HS: *cách chọn mẫu số chung, kết quả thu được cần là phân số tối giản.*  - HS đổi vở, chữa đáp án.  - GV mời 2 - 3 HS trình bày kết quả, khuyến khích HS giải thích.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT3***  *Cho các thẻ chữ số và thẻ dấu phẩy sau:*    *a) Lập một số thập phân có sáu chữ số khác nhau, trong đó có ba chữ số ở phần thập phân.*  *b) Làm tròn số thập phân lập được ở câu a đến hàng đơn vị, hàng phần mười, hàng phần trăm.*  - GV cho HS thảo luận nhóm, nói cho nhau nghe cách làm và trình bày vào vở.  - GV gợi ý cho HS:  *+ Có bao nhiêu chữ số ở phần nguyên? (3 chữ số)*  *+ Chọn mấy chữ số để thành lập? (Chọn 6 chữ số bất kì)*  *+ Có thể nhắc lại một số quy tắc làm tròn số thập phân.*  - GV chú ý cho HS: *Có thể lập được nhiều số khác nhau, mỗi bạn lập 1 số.*  - GV mời 1 - 2 HS lên bảng thực hiện bài.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 7 trong SGK  - Hoàn thành BT trắc nghiệm.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Chữ số 6 trong số 355,464 có giá trị là:*   |  |  | | --- | --- | | *A.* | *B.* | | *C.* | *D. 6* |   *b) Số thập phân “Chín mươi phẩy bảy mươi ba” phần thập phân có:*   |  |  | | --- | --- | | *A. 2 chữ số* | *B. 3 chữ số* | | *C. 4 chữ số* | *D. 1 chữ số* |   *c) Kết quả của phép tính sau là:*   |  |  | | --- | --- | | *A.* | *B.* | | *C.* | *D.* |   *d) Một người làm 5 ngày được 30 sản phẩm. Vậy với mức làm như thế để được 60 sản phẩm người đó phải làm trong số ngày là:*   |  |  | | --- | --- | | *A. 6 ngày.* | *B. 12 ngày.* | | *C. 8 ngày.* | *D. 10 ngày.* |   *e) Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 64m, chiều dài bằng chiều rộng. Người ta đã sử dụng diện tích mảnh đất để làm nhà. Diện tích phần đất làm nhà là: ….m2.*  *A. 80 m2*  *B. 40 m2*  *C. 1002*  *D. 160m2*  - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT. | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  *+ HS1: Tôi đã đọc, viết được hỗn số, số thập phân.*  *+ HS2: Tôi đã biết cấu tạo của số thập phân.*  *…….*  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Hình 1:*  *Hình 2:*  *Hình 3:*  *-* HS trả lời:  + Quy đồng mẫu số hai phân số.  + So sánh tử số hai phân số đã quy đồng.  + Kết luận.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  *b) và*  *Thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số, ta có:*  *Vì nên .*  *Làm tương tự, ta có:*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  *c) Các ý sai là: ,.*  *Sửa lại: ,*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  *d)*  - HS thảo luận nhóm, hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Số thập phân có thể lập là: 267,348.*  *b) Làm tròn số 267,348 đến hàng đơn vị, ta được: 267.*  *Làm tròn số 267,348 đến hàng phần mười, ta được 267,3.*  *Làm tròn số 267,348 đến hàng phần trăm, ta được 267,35.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a)* ***Chọn B.***  *b)Chín mươi phẩy bảy mươi ba: 90,73*  ***Chọn A.***  *c) Ta có:*  ***Chọn C.***  *d) 60 sản phẩm gấp 30 sản phẩm số lần là:*  *60 : 30 = 2 (lần)*  *Vậy để làm 60 sản phẩm cần số ngày là:*  *5 2 = 10 (ngày)*  ***Chọn D.***  *e) Tổng số phần bằng nhau là:*  *5 + 3 = 8 (phần)*  *Chiều rộng của mảnh đất là:*  *64 : 8 3 = 24 (m)*  *Chiều dài của mảnh đất là:*  *64 – 24 = 40 (m)*  *Diện tích của mảnh đất là:*  *24 40 = 960 (m2)*  *Diện tích phần đất làm nhà là:*  *960 : 12 = 80 (m2)*  ***Chọn A.***  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghe  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**..............................................................**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 4**

**TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhớ nội dung, giới thiệu được tác phẩm (câu chuyện, bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) đã đọc phù hợp với chủ điểm ý chí và nghị lực.
* Lắng nghe bạn, biết ghi chép thắc mắc, nhận xét về lời giới thiệu và ý kiến trao đổi của bạn.
* Biết trao đổi cùng các bạn về tác phẩm được giới thiệu và cảm nhận của bản thân về câu chuyện; biết ghi chép, nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* biết nêu suy nghĩ, ý kiến của bản thân.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện.

***Năng lực văn học:***

* Biết bày tỏ sự yêu thích một số chi tiết hoặc hình ảnh, nhân vật,... trong câu chuyện, bày tỏ ý kiến về ý chí và nghị lực.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức và hành động phù hợp để trở thành người có ý chí, nghị lực trong cuộc sống, trong học tập.
* Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, cảm xúc.
* Củng cố nền nếp tự đọc sách báo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Bảng phụ máy chiếu (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, VBT Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới: *Trong tiết Nói và nghe hôm nay, các em sẽ giới thiệu những tác phẩm*  *(câu chuyện, bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) mà mình đã đọc về ý chí, nghị lực. Sau đó, các em sẽ cùng trao đổi về những tác phẩm được giới thiệu.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Chuẩn bị**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS sẽ:  - Nắm được yêu cầu bài tập.  - Trả lời được những câu hỏi trong bài và vận dụng vào những BT có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời một số HS đọc 2 đề và gợi ý. Cả lớp đọc thầm theo:  *+ Đề 1: Giới thiệu một tác phẩm (câu chuyện, bài thơ, bài văn, bài báo, vở kịch) mà em đã đọc về ý chí, nghị lực.*  *+ Đề 2: Trao đổi về nội dung tác phẩm được giới thiệu.*  - GV nêu một số việc chính cần thực hiện:  *+ Đọc 2 đề; chọn 1 đề và đọc kĩ gợi ý của đề đã chọn.*  *+ Dựa vào gợi ý, viết vào vở nháp những ý chính*.  **Hoạt động 2: Trao đổi.**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS trao đổi trong nhóm, trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  **Nhiệm vụ 1: Trao đổi trong nhóm**  - GV tổ chức cho HS ngồi theo nhóm (những HS chọn cùng đề).  - GV mời một HS nêu ý kiến; những HS khác bổ sung, góp ý.  **Nhiệm vụ 2: Trao đổi trước lớp**  - GV mời một số HS phát biểu trước lớp.  - Sau mỗi ý kiến, GV mời HS trong lớp đặt CH nếu có chi tiết các em chưa rõ và hướng dẫn các em trao đổi.  - GV hỏi thêm: mời HS nêu cảm nhận cá nhân*: Em thích câu chuyện (hoặc nhân vật) nào? Vì sao?/ Em thích phần trình bày của bạn nào? Điều gì trong bài trình bày của bạn đó khiến em cảm thấy thú vị?*  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học.  - GV nêu nhận xét về bài viết để cả lớp rút kinh nghiệm.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị bài mới. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc bài.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - HS nêu ý kiến.  - HS phát biểu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, chuẩn bị  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.................................................................**

**Buổi chiều** **TIẾT 2 + 3: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**Bài 5: NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC (tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kiến thức đã học, nêu được dẫn chứng về sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.

- Kể tên được những hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

- Nêu được những chi tiết phản ảnh đời sống kinh tế và cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước qua một số truyện.

**2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: sưu tầm tư liệu và giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.

- Giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, giới thiệu về nước Văn Lang, Âu Lạc.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: Tự hào và biết ơn tổ tiên đã có công dụng nước và giữ nước thời Văn Lang, Âu Lạc.

- Trách nhiệm trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hoá, truyền thống của tổ tiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu**  - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.  **b) Cách thực hiện** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn” để khởi động bài học  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS. | - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **B. THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:**  - Vận dụng kiến thức đã học, nêu được dẫn chứng về sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc.  - Kể tên được những hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.  - Nêu được những chi tiết phản ảnh đời sống kinh tế và cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước qua một số truyện.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV nêu câu hỏi 2 trong phần luyện tập cho HS suy nghĩ để trả lời*: Kể tên các hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.*  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức:  + Nông nghiệp: trồng lúa nước và các loại rau, củ, chăn nuôi, đánh bắt cá.  + Thủ công nghiệp: làm gốm, làm mộc, dệt vải, đúc đồng, rèn sắt,...  - GV tiếp tục nêu câu hỏi 3: Truyền thuyết *Sơn Tinh- Thuỷ Tinh*, *Thánh Gióng*, *Sự tích nỏ thần* phản ánh về đời sống kinh tế và cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước qua những chi tiết nào?  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức:  + Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*: Sơn Tinh đã cùng nhân dân trị thuỷ, nước dâng đến đâu, đất cao lên đến đấy.  + Truyền thuyết *Thánh Gióng*: nhà Ân sang xâm lược nước Văn Lang; Gióng mặc áo giáp, đội nón, tay cầm gươm cưỡi lên lưng ngựa phi như bay đến chỗ quân địch; Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp, ngựa hét ra lửa, chẳng mấy chốc đã đánh tan được quân địch,...  + Truyền thuyết *Sự tích nỏ thần*: Triệu Đà mấy lần đem quân sang xâm lược nước Âu Lạc nhưng đều thất bại, An Dương Vương có nỏ thần có thể bắn một phát ra nhiều mũi tên, rất lợi hại,... | - 1 HS đọc to câu hỏi.  - HS suy nghĩ, trao đổi nhóm đôi.  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe.  - 1 HS đọc to câu hỏi trên màn hình.  - HS suy nghĩ, trao đổi nhóm đôi. Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc to câu hỏi trên màn hình.  - HS suy nghĩ, trao đổi nhóm 4. Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. |
| **C. VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:**  - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng khi học tập.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - Đóng vai một hướng dẫn viên trong bảo tàng lịch sử, hãy giới thiệu về nước Âu Lạc (sự ra đời, đời sống kinh tế, đấu tranh bảo vệ đất nước…)  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả nhiệm vụ. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS. | - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.  - HS trả lời câu hỏi..  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 3: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**BÀI 6: VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM *(tiết 1)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng đặc thù:**

*Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí:* Trình bày được thành lập của nước Phù Nam. Mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.

*Tìm hiểu lịch sử và địa lí:*Tìm, tra cứu hoặc sưu tầm thông tin cơ bản về vương quốc Phù Nam qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

*Vận dụng kiến thức, kĩ năng học:*Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam qua sơ đồ tư duy.

**2. Năng lực chung:**

*Giao tiếp và hợp tác:*Tham gia hoạt động nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

*Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày kết quả thể hiện sự sáng tạo.

*Tự chủ và tự học:* Chủ động lựa chọn và mô tả hình ảnh một hiện vật khảo cổ của Phù Nam.

**3. Phẩm chất**

* *Yêu nước:* Tự hào về những giá trị văn hóa của cư dân Phù Nam.
* *Trách nhiệm*: Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa cư dân Phù Nam**.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Kế hoạch bài dạy, bài trình chiếu powerpoint.
* Tranh ảnh vương quốc Phù Nam.
* SGK Lịch sử và Địa lí 5 – bộ sách Cánh diều.
* Bảng con, giấy A4, bút viết, Phiếu bài tập 1,2

**2. Đối với học sinh**

* SHS Lịch sử và Địa lí 5 bộ sách Cánh diều.
* Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Thông qua Hoạt động, HS:  - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới.  **b. Cách tiến hành** | | |
| - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt câu hỏi: *Bình gốm Nhơn Thành được phát hiện năm 1994 tại khu vực Đá Nổi, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Đây không chỉ là một hiện vật tiêu biểu của nền văn hóa Ốc Eo mà còn là sản phẩm vật chất quan trọng minh chứng cho giai đoạn lịch sử phát triển rực rỡ Vương quốc Phù Nam.*  Museum of Can Tho City::.  *Bình gốm Nhơn Thành*  *+ Hãy chia sẻ những điều em biết về vương quốc này.*  - GV mời 1 – 2 HS xung phong trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu cho HS.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: *Vương quốc Phù Nam là một vương quốc cổ nổi tiếng với sự phát triển ổn định và vững mạnh. Để tìm hiểu sâu hơn, chúng ta sẽ cùng nhau đến với bài:* ***Bài 6: Vương quốc Phù Nam*** | | - HS lắng nghe dẫn dắt và quan sát hình ảnh.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học mới. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu sự thành lập Vương quốc Phù Nam**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS trình bày được sự thành lập Vương quốc Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ.  **b. Cách tiến hành** | | |
| - GV chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ: *Quan sát hình 2, 3, 4 và đọc thông tin mục 1 SHS tr.31 – tr.32 để hoàn thành Phiếu học tập số 1.*  - GV mở rộng kiến thức, khai thác kênh hình cho HS:  *+ Hình 2: Dấu tích cọc gỗ làm móng nhà sàn của cư dân phù Nam tại di tích Nền Chùa (Kiên Giang): Các cọc nhà sàn được tìm thấy tại khu vực ấp Trầm Dưỡng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Những gọc gỗ này góp phần khẳng định đời sống vật chất của cư dân Phù Nam cũng như sự tồn tại của Vương quốc Phù Nam.*  *+ Hình 3: Dấu tích Đền thần Mặt trời Gò Cây Thị (An Giang): Di tích Gò Cây Thị nằm trên một gò cao thuộc ấp Trung Sơn, thị trấn Ốc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Những dấu tích kiến trúc ở đây đã góp phần làm rõ hơn lịch sử ra đời cùng với sự phát triển rực rỡ của nền văn hóa.*  - GV mời đại diện 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV cho HS xem video: Vương quốc Phù Nam:  - Em có nhận xét gì về vương quốc Phù Nam?  - GV nhận xét | | - HS chia thành các nhóm và lắng nghe nhiệm vụ.  - HS quan sát *Phiếu học tập số 1.*  - HS quan sát hình ảnh và lắng nghe, tiếp thu.  - HS trình bày *Phiếu học tập số 1.*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **SỰ THÀNH LẬP VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM**  *Nhóm:…*   |  |  | | --- | --- | | **Sự thành lập Vương quốc Phù Nam** | | | Thời gian ra đời và tồn tại | Từ thế kỉ I đến thế kỉ VII | | Địa bàn | Phần lớn ở Nam Bộ của Việt Nam ngày nay. | | Theo truyền thuyết | Hỗn Điền từ Ấn Độ tới đất Phù nam, kết hôn với Liễu Diệp và cùng nhau cai trị Vương quốc Phù Nam. | | Theo một số bằng chứng khảo cổ | Bia đá khắc chữ San – krit, tượng thần Vit – xnu, dấu tích công trình bằng gỗ, gạch… (cọc gỗ làm móng, nhà sàn tại di tích Nền Chùa ở Kiên Giang, dấu tích Đền thần Mặt trời Gò cây Thị ở An Giang)… | |   - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  -HS xem video  -HS suy nghĩ trả lời câu hỏi  Vương quốc Phù Nam: *Nước Phù Nam ở phía nam quận Nhật Nam, trong vịnh lớn ở phía tây của biển, cách Nhật nam đến 7 000 lí… Nước rộng lớn 3 000 lí, đất trũng ẩm thấp nhưng bằng phẳng, rộng rãi. Khí hậu, phong tục đại đế cũng giống như Lâm Ấp. Sản xuất vàng, bạc, đồng, thiếc, trầm hương, mộc hương, ngà voi….*  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS mô tả được sự một số hiện vật khảo cổ của Phù Nam.  **b. Cách tiến hành** | | |
| - GV chia HS trong lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ: *Quan sát Hình 5,6,7,8 và thông tin mục 2 SHS tr.31- tr.32 và hoàn thành Phiếu học tập số 2:*  *+ Nhóm 1: Mô tả hiện vật trong hình 5.*  *+Nhóm 2: Mô tả hiện vật trong hình 6 và so sánh hình 6 và hình 5.*  *+ Nhóm 3: Mô tả hiện vật trong hình 7.*  *+ Nhóm 4: Mô tả hiện vật trong hình 8.*  - GV cho HS xem một số hình ảnh hiện vật khảo cổ Phù Nam:  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)  - GV nhận xét, chốt kiến thức:  - GV hướng dẫn học sinh đọc mục *Em có biết SHS tr.31 về bếp cà ràng* | | *-Nhận nhiệm vụ, thỏa luận nhóm theo yêu cầu*  *-HS quan sát tranh*  *-Chia sẻ trước lớp*  *+ Nhóm 1: Mô tả hiện vật hình 5*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **MÔ TẢ HIỆN VẬT HÌNH 5**  *Nhóm:…*   |  |  | | --- | --- | | **Mô tả hiện vật** | | | Tên gọi hiện vật | Bếp cà ràng của cư dân Phù Nam | | Chất liệu | Đất nung | | Nơi phát hiện | Địa bàn thuộc Cần Thơ ngày nay | | Hình dạng | Có kích thước nhỏ, thành cao hình số 8 để chắn gió, chứa củi, tro và giữ nhiệt. | | Công dụng | Dùng để đun nấu, có thể để trên sàn nhà bằng tre nứa, ván gỗ, trên thuyền. | |   *+ Nhóm 2: Mô tả hiện vật hình 6*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **MÔ TẢ HIỆN VẬT HÌNH 6**  *Nhóm:…*   |  |  | | --- | --- | | **Mô tả hiện vật** | | | Tên gọi hiện vật | Bếp cà ràng của cư dân Nam Bộ ngày nay | | Chất liệu | Đất nung | | Nơi phát hiện | Phổ biến ở Nam Bộ ngày nay | | Hình dạng | Có kích thước nhỏ, thành cao để chắn gió, chứa củi, tro và giữ nhiệt. | | Công dụng | Dùng để đun nấu, có thể để trên sàn nhà bằng tre nứa, ván gỗ, trên thuyền. Ngày nay bếp cà ràng được người dân Nam Bộ sử dụng phổ biến trên tàu, thuyền ở vùng sông nước. | |   *+ Nhóm 3:Mô tả hiện vật hình 7*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **MÔ TẢ HIỆN VẬT HÌNH 7**  *Nhóm:…*   |  |  | | --- | --- | | **Mô tả hiện vật** | | | Tên gọi hiện vật | Khuyên tai của cư dân Phù Nam | | Chất liệu | Vàng | | Nơi phát hiện | Địa bàn thuộc An Giang ngày nay | | Hình dạng | Hình tròn, trang trí hoa văn. | | Công dụng | Dùng làm trang trí. | |   *+ Nhóm 4: Mô tả hiện vật hình 8.*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **MÔ TẢ HIỆN VẬT HÌNH 8**  *Nhóm:…*   |  |  | | --- | --- | | **Mô tả hiện vật** | | | Tên gọi hiện vật | Tượng thần Vít - xnu | | Chất liệu | Đồng | | Nơi phát hiện | Địa bàn thuộc Rạch Gía (Kiên Giang) ngày nay | | Hình dạng | Một người đàn ông trong tư thế đứng, đầu đội mũ hình trụ, có 4 tay, hai cánh tay sau: một tay cầm vỏ ốc, hai cánh tay trước: một tay cầm quá cầu, tay còn lại đặt lên cây chủy dài. | | Công dụng | Dùng làm tượng thờ thần Vít – xnu. | |   -Nhận xét nhóm bạn  -Đọc bài trong GSK |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu**: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về sự hình thành vương quốc Phù Nam. Vẽ được sơ đồ tư duy  **b. Cách tiến hành** | | |
| **Vẽ sơ đồ “Sự thành lập của vườn quốc Phù Nam”**  - Mời cả lớp làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ sau:  + Vẽ vào vở sơ đồ “Sự thành lập của vương quốc Phù Nam” gợi ý dưới đây:  **-** Khuyến khích HS trình bày sáng tạo, sử dụng tranh ảnh trong sơ đồ tư duy.  - Cho HS lên bảng lớp trình bày kết quả bài làm.  - Cho cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.  - Nhận xét tuyên dương. | - Cả lớp làm việc cá nhân theo yêu cầu của bài tập.  - Vẽ sơ đồ tư duy.    - Một số HS trình bày bài.  - Quan sát, nhận xét  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.  **b. Cách tiến hành** | | |
| - Cho HS quan sát hình ảnh một khu di tích của Việt Nam.  + Đây là địa danh nào?  + Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về khu di tích lịch sử trên?.  - Mời HS nhận xét.  - Nhận xét, tuyên dương  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Vương quốc Phù Nam*  + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  + Đọc trước *Bài 6 Vương quốc Phù Nam T2)* | | - Quan sát  - Trả lời câu hỏi  - Nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..........................................***.......................................................................***

***Thứ năm ngày 31 tháng 10 năm 2024***

**Buổi chiều TIẾT 1: TOÁN 4**

**BÀI 23. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Ôn tập phân số, thực hiện quy đồng mẫu, so sánh phân số, thực hiện được các phép tính với phân số.
* Ôn tập phân số thập phân, hỗn số.
* Ôn tập cấu tạo số thập phân, viết, đọc số thập phân, viết số đo đại lượng thành số thập phân, so sánh, làm tròn số thập phân.
* Ôn tập các bài toán: tổng – tỉ, hiệu - tỉ, bài toán liên quan đến quan hệ phụ thuộc.
* Vận dụng giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tế.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ôn lại KT  - GV giới thiệu bài  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 4; 5; 6 trong SGK  **b. Cách thức tiến hành**  ***Bài tập 4***  *Ở mỗi ngã rẽ, Thu sẽ rẽ theo con đường ghi số thập phân bé hơn. Theo em, Thu đến thăm nhà bàn nào?*    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, so sánh các số thập phân trên và trả lời câu hỏi của bài.  + *Có thể cho HS nhắc lại các cách so sánh số thập phân.*  - HS làm vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Bài tập 5***  *a) Chị Mai trộn bột mì và đường để làm bánh theo công thức 5 phần bột, 2 phần đường. Biết rằng khối lượng bột và đường sau khi trộn là 420g. Hỏi chị Mai đã trộn bao nhiêu gam bột, bao nhiêu gam đường?*    - GV gợi ý cho HS:  *+ Bài toán trên thuộc dạng toán nào em đã học?*  *+ Xác định tổng và tỉ số của bột và đường.*  *+ Đưa các bước làm bài toán.*  - GV cho HS trình bày bài vào vở cá nhân.  - Đổi vở với bạn cùng bàn, chữa bài.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  *b) Tổng số lượt khác tham quan vườn bách thú trong tuần thứ nhất và tuần thứ hai là 240 lượt. Do thời tiết không thuận lợi nên số lượt khách tham quan vườn bách thú trong tuần thứ hai giảm đi 3 lần so với tuần thứ nhất. Tính số lượt khách tham quan trong mỗi tuần.*  - GV cho thảo luận nhóm đôi, nhận dạng bài toán, tìm hiểu đề bài, phân tích các bước làm và trình bày bài giải vào vở cá nhân.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Bài tập 6***  *Quan sát bảng sau:*    *a) Khi độ dài cạnh hình vuông giảm đi 2 lần thì chu vi hình vuông giảm đi bao nhiêu lần?*  *b) Khi độ dài cạnh hình vuông giảm đi 4 lần thì chu vi hình vuông giảm đi bao nhiêu lần?*  *c) Nêu nhận xét về quan hệ phụ thuộc giữa chu vi của hình vuông với độ dài cạnh của nó.*  - GV gợi ý cho HS:  *+ Cạnh và chu vi của hình vuông có phải là hai đại lượng có quan hệ phụ thuộc không?*  *+ Nhắc lại bài toán về mối quan hệ phụ thuộc của hai đại lượng.*  - HS trình bày vào vở cá nhân.  - HS đổi vở, kiểm tra kết quả.  - GV mời 1 – 2 HS lên bảng trả lời, khuyến khích HS nói cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:**  - HS hoàn thành các bài tập 7 trong SGK  - Hoàn thành BT trắc nghiệm.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT7***  *Ước lượng chiều dài và chiều rộng của sàn phòng học lớp em theo đơn vị mét rồi tính diện tích phòng học đó. Làm tròn số đo diện tích tìm được đến hàng chục và ước lượng xem có cần ghép bao nhiêu mặt sàn phòng học như vậy thì có diện tích là 1 ha.*  - GV tổ chức cho HS hoàn thành bài theo nhóm 4, thực hiện các hoạt động sau:  *+ Chuẩn bị: Thước dây (đơn vị mét), báo cáo, bút chì,…*  *+ Tiến hành đo chiều dài, chiều rộng của sàn phòng học.*  *+ Thực hiện tính diện tích sàn phòng học.*  *+ Làm tròn diện tích đến hàng chục.*  *+ Thực hiện tính toán, ước lượng xem cần ghép bao nhiêu mặt sàn.*  - GV chú ý cho HS: *Chú ý khi tính toán, các đơn vị phải cùng số đo.*  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 24 – *Em vui học toán.* | - HS chơi trò chơi  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Ở con đường thứ nhất:*  *Vì 0,75 < 1,25 nên Thu rẽ sang con đường có số 0,75.*  *Ở con đường tiếp theo:*  *Vì 0,352 < 0,37 nên Thu rẽ sang con đường dẫn đến nhà An.*  *Vậy Thu đến nhà bạn An.*  - HS suy nghĩ, trả lời:  *+ Bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số.*  *+ Tổng là: 420g, tỉ số là 5 : 2 =*  *+ Bước 1: Tìm tổng số phần bằng nhau.*  *Bước 2: Tìm số gam bột*  *Bước 3: Tìm số gam đường.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Ta có sơ đồ:*    *Tổng số phần bằng nhau là:*  *5 + 2 = 7 (phần)*  *Khối lượng bột chị Mai đã trộn là:*  *420 : 7 5 = 300 (g)*  *Khối lượng đường chị Mai đã trộn là:*  *420 – 300 = 120 (g)*  *Đáp số: bột: 300g*  *Đường: 120g*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Ta có sơ đồ:*    *Tổng số phần bằng nhau là:*  *1 + 3 = 4 (phần)*  *Số lượt khách tham quan trong tuần thứ nhất là:*  *240 : 4 3 = 180 (lượt)*  *Số lượt khách tham quan trong tuần thứ hai là:*  *240 – 180 = 60 (lượt)*  *Đáp số: Tuần thứ nhất: 180 lượt.*  *Tuần thứ hai: 60 lượt.*  - HS suy nghĩ, nhớ lại kiến thức, hình thành kết quả bài.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Khi độ dài cạnh hình vuông giảm đi 2 lần thì chu vi hình vuông giảm đi 2 lần.*  *b) Khi độ dài cạnh hình vuông giảm đi 4 lần thì chu vi hình vuông giảm đi 4 lần.*  *c) Độ dài cạnh tăng (giảm) bao nhiêu lần thì chu vi hình vuông tăng (giảm) bấy nhiêu lần.*  HS xây dựng công thức tính:  Số mặt sàn cần ghép = 1 ha : Diện tích phòng học.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***..............................................................***

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 5**

**ĐỌC 4: TIẾT MỤC ĐỌC THƠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng những từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Hiểu ý nghĩa của bài: *Bài đọc đề cao sức mạnh của lòng quyết tâm: Bằng nỗ lực của bản thân, với sự giúp đỡ tận tình của cô giáo, Pát-ty đã thành công ngoài mong đợi của bản thân, khiến mọi người vô cùng bất ngờ và tán thưởng.*

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu.

***Năng lực văn học:***

* Phát hiện được những từ ngữ và chi tiết hay trong bài; biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ và chi tiết đó

**3. Phẩm chất**

* Giáo dục phẩm chất trách nhiệm quyết tâm vượt qua khó khăn để đạt mục tiêu đã đề ra.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.
* Tranh minh họa bài đọc*.*
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5, Vở bài tập Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌN DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV cho HS xem tranh, ảnh và hỏi: *Em suy nghĩ gì về các câu nói dưới đây?*   |  |  | | --- | --- | | Top 1500+ câu nói tạo nghị lực ý nghĩa giúp bạn thành công | Top 100+ Những câu nói hay về Ý Chí Trong Cuộc Sống, nghị lực vươn lên |   **-** GV mời HS trả lời.  - GV nhẫn xét và gợi ý, VD: *Những câu nói ấy khuyên chúng ta khi làm bất cứ việc gì phải luôn luôn kiên trì, mọi việc sẽ đến với ta một cách suôn sẻ và thuận lợi.*  *-* GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới: *Đọc thơ lưu loát, trôi chảy đã khó, đọc thơ cho hay lại càng khó hơn. Thế mà một bạn học sinh có khiếm khuyết về phát âm lại đọc thơ trên sân khấu lớn và khiến mọi người vô cùng thán phục đấy. Bạn học sinh ấy là ai? Bạn ấy đã làm gì để thành công như vậy? Chúng ta cùng đọc bài Tiết mục đọc thơ để có câu trả lời nhé!*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Lắng nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc, luyện đọc từ khó, luyện cách ngắt nghỉ và đọc câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Đọc được bài đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV đọc mẫu cho HS nghe: *Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện với tâm trạng thở dài, rầu rĩ, giấu những giọt nước mắt,...*  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ, luyện đọc một số câu dài và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:  *+ Luyện đọc một số từ khó: say sưa,ngẩng, khiếm khuyết, nỡ, lũ trẻ, …*  *+ Luyện đọc câu dài: Lũ trẻ đang* ***say sưa*** *tập các tiết mục văn nghệ/ để chuẩn bị cho* ***buổi trình diễn****.// Nhưng* ***rất khó*** *tìm được bài thơ nào/ phù hợp với những* ***khiếm khuyết*** *của Pát- ty.*  *+ Luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc của nhân vật:*   * *Thưa cô, mọi năm em đều nhận những vai không phải nói nhiều. Năm nay, cô cho em đọc một bài thơ, được không cô?* * *Cô ơi, em cảm ơn cô!* * *Chính cô phải cảm ơn mẹ. Em đã chứng minh là không có điều gì không thể làm được, nếu thực sự cố gắng.*   - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành năm đoạn để luyện đọc và tìm ý:  *+ Đoạn 1: Từ đầu đến “… được không cô?”.*  *+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “hướng dẫn của cô giáo”.*  *+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “niềm vui khôn tả”.*  *+ Đoạn 4: Còn lại.*  *\* Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để tuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Giải nghĩa được một số từ khó.  - Đọc thầm lại bài đọc và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đọc.  - Nắm được nội dung, ý nghĩa của bài đọc.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV hướng dẫn HS giải nghĩa một số từ khó:  *+ khiếm khuyết: thiếu sót.*  *+ tán thưởng: tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ.*  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi dưới đây:  *+ Câu 1. Vì sao trước đây Pát-ly luôn nhận được những vai diễn không phải nói nhiều?*  *+ Câu 2. Cô giáo đã làm gì để giúp Pát-ly đạt được ước muốn của mình?*  *sĩ Trường Sa với đồng đội và với đất liền?*  *+ Câu 3. Tìm những chi tiết cho thấy tiết mục đọc thơ của Pát-ty đã gây bất ngờ cho mọi người và rất thành công.*  *+ Câu 4. Qua lời cô giáo ở cuối câu chuyện, em hiểu lí do thành công của Pát-ty là gì?*  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *+ Câu 1: Vì Pát-ty bị khiếm khuyết về phát âm, hay bị nói vấp nên cô giáo hoặc Pát-ty không muốn bạn ấy phải nhận vai quá khó thực hiện (Chú ý lời Pát-ty nói với cô giáo: “… mọi năm em đều nhận những vai không phải nói nhiều.”. Câu nói đó cho thấy mọi năm Pát-ty tự lựa chọn những vai không phải nói nhiều để tránh bộc lộ khiếm khuyết phát âm của bản thân, chứ không phải cô giáo hay các bạn yêu cầu em chọn những vai ấy.)*  *+ Câu 2: Cô giáo quyết định cùng tập với Pát-ty để giúp em khắc phục các lỗi phát âm.*  *+ Câu 3:*   * *Tiết mục đọc thơ của Pát-ty đã gây bất ngờ cho mọi người: Khi người dẫn chương trình giới thiệu tiết mục đọc thơ do Pát-ty biểu diễn, tất cả mọi người đều vô cùng bất ngờ (vì cô bé có khiếm khuyết phát âm và chưa bao giờ nhận vai phải nói nhiều).* * *Tiết mục đọc thơ của Pát-ty rất thành công: Pát-ty đọc bài thơ, từng từ, từng câu rõ ràng, rành mạch khiến mọi người reo hò cổ vũ, khen ngợi; những tràng pháo tay rộ lên, vang mãi không ngớt.*   *\* GV bổ sung, có thể nói thêm: Sự thành công của Pát-ty chính là bất ngờ lớn nhất đối với mọi người: Từ một cô bé nhút nhát luôn nhận những vai diễn không phải nói nhiều, Pát-ty đã mạnh dạn trình diễn và thành công với tiết mục đọc thơ trong đêm văn nghệ, trước sự chứng kiến của rất nhiều khán giả.*  *+ Câu 4: Lời của cô giáo cho thấy Pát-ty có được thành công chính là nhờ em đã cố gắng vượt qua những khó khăn của bản thân, miệt mài tập luyện với tất cả niềm đam mê và quyết tâm của mình.*  *\* GV có thể bổ sung: Lời cô giáo khẳng định sức mạnh của lòng quyết tâm: Nếu nỗ lực thì ta có thể làm được rất nhiều điều kì diệu và vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua.*  **Hoạt động 3: Đọc nâng cao**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Nhắc lại được nội dung, ý nghĩa bài đọc; xác định được giọng đọc của nhân vật.  - Luyện đọc trong nhóm và trước lớp.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS nhắc lại nội dung, ý nghĩa bài đọc *Tiết mục đọc thơ.*  - GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn 3, 4 và xác định giọng đọc đoạn này: *Đọc diễn cảm một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật; biết ngắt nghỉ các câu, nhấn giọng phù hợp ở những từ thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật.*  *Pát-ty bước ra sân khấu, /* ***mắt ngời sáng.*** *// Cô bé* ***cất cao giọng*** */ đọc bài thơ, / từng từ, / từng câu* ***rõ ràng****, /* ***rành mạch*** *như cô giáo hướng dẫn. // Cuối cùng, / cô bé cúi chào khán giả* ***trong niềm vui khôn tả****.*  *Tiếng reo hò và những tràng pháo tay rộ lên, / vang mãi không ngớt. // Cô giáo xúc động / ôm chầm em học trò nhỏ dũng cảm. // Pát-ty vui mừng nói: //*  *− Cô ơi, / em cảm ơn cô! // Cô giáo giữ Pát-ty trong vòng tay, / thì thầm: //*  *−* ***Chính*** *cô phải cảm ơn em. // Em đã chứng minh là /* ***không có điều gì không thể làm được****, /* ***nếu thực sự cố gắng***  - GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3 và 4.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi đọc cả bài, các HS khác lắng nghe, nhận xét (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của lớp.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Củng cố kiến thức bài đọc *Tiết mục đọc thơ*.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV tổ chức trò chơi *Ai thông minh hơn học sinh lớp 5* để HS củng cố bài.  - GV phổ biến trò chơi như sau: *GV sẽ chiếu từng câu hỏi trắc nghiệm lên màn hình, HS giơ tay phát biểu sau hiệu lệnh của GV. HS nào trả lời được nhiều câu đúng sẽ được phần thưởng từ GV.*  - GV chiếu từng câu hỏi lên màn hình:  *+ Câu 1: Pát-ty đã xin cô giao điều gì?*  *A. Pát-ty xin cô giáo cho mình được đứng đầu hàng diễn văn nghệ*  *B. Pát-ty xin cô giáo cho mình đóng vai nhân vật không cần phải nói chuyện*  *C. Pát-ty xin cô giáo cho mình đăng kí tiết mục đọc thơ*  *D. Pát-ty xin không tham gia biểu diễn văn nghệ*  *+ Câu 2: Các bạn nhỏ trong văn bản đã làm gì để chuẩn bị cho buổi biểu diễn?*  *A. Trang trí cho lớp học*  *B. Vẽ các bức tranh cỡ lớn đế dựng trước cửa lớp học*  *C. Quan sát bức ảnh*  *D. Tập luyện các tiết mục văn nghệ*  *+ Câu 3: Đâu từ ngữ miêu tả giọng nói của Pát-ty khi nói chuyện với cô giáo.*  *A. tha thiết*  *B. thiết tha*  *C. nghẹn ngào*  *D. thảm thiết*  *D. Cần biết mài sắt mỗi ngày để thành công*  *+ Câu 4: Chi tiết nào sau đây thể hiện sự công nhận của khán ghỉa với tiết mục đọc thơ của Pát-ly?*  *A. cô giáo xúc động ôm chầm em học trò nhỏ dũng cảm*  *B. tiếng reo hỗ và những tràng pháo tay rộ lên, vang mãi không ngớt*  *C. cô bé cúi chào khán giả trong niềm vui khôn tả*  *D. tiết mục được trình diễn trong những tràng pháo tay tán thưởng nhiệt tĩnh của khán giả*  *+ Câu 5: Vì sao cô giáo lại cảm ơn Pát-ty?*  *A. Vì Pát-ty không quan tâm đến lời dèm pha và ánh mắt hoài nghi của mọi người và tiếp tục cố gắng biểu diễn*  *B. Vì Pát-ty đã cố gắng hết sức mình, không bỏ cuộc dù gặp nhiều khó khăn*  *C. Vì nhờ tiết mục của Pát-ty mà cô giáo được mọi người khen ngợi*  *D. Vì Pát-ty đã giúp cô giáo chứng minh được sức mạnh của sự cố gắng, ý chí kiên cường*  - GV mời đại diện lần lượt HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1. C | 2. D | 3. A | 4. B | 5. D |   **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương những HS học tốt.  - Khuyến khích HS tìm đọc những bài viết về chủ điểm. | - HS lắng nghe, trả lời.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS cùng GV giải nghĩa một số từ khó.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nhắc lại nội dung bài.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS đọc bài, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn trò chơi.  - HS theo dõi từng câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, bổ sung đáp án (nếu có)  - HS quan sát, tiếp thu  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................***...............................................................................***

**TIẾT 3: TOÁN TĂNG**

**LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN**

**ÔN TẬP CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC**

**HÉC – TA** ( tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cho HS cách làm tròn số thập phân, vận dụng được cách làm tròn số thập phân trong một số trường hợp đơn giản.

- Củng cố cho HS việc chuyển đổi, tính toán với các số đo diện tích (*mm2, cm2, dm2, m2*) trong một số trường hợp đơn giản; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo diện tích trong một số trường hợp đơn giản.

- Củng cố cách đọc, viết các số đo diện tích theo đơn vị đo diện tích héc-ta.

- HS đổi được số đo DT: 1ha = 10 000m2; 10 000m2 = 1ha.

- HS vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề thực tế có liên quan đến đơn vị đo diện tích héc-ta.

**2. Năng lực chung:**- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, ....

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học, cẩn thận khi làm bài và yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Vở BTPTNL lớp 5 tập 1….

- HS : Vở BTPTNL lớp 5 ,bút, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  **-** GV cho HS làm tròn các số thập phân 3,152 và 45, 827 đến hàng phần nghìn.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, kết luận. Giới thiệu bài  **2. Hoạt động luyện tập:**  **Bài 6 ( trang 30 – VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Nêu cách làm tròn số thập phân.  - Cho cả lớp làm bài vào vở BT  - Gọi HS nêu kết quả  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung (nếu cần).  *- GV: Củng cố cách làm tròn số thập phân*  **Bài 8 ( trang 30 – VBT PTNL)**  - Bài yêu cầu gì?  - Cho cả lớp làm bài vào VBT  - Gọi 2 HS lên làm bảng lớp  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét, kết luận  *- GV: Củng cố cách chuyển đổi các đơn vị đo diện tích.*  **Bài 9( trang 30– VBT PTNL)**  - Gọi HS đọc đề bài  - Để so sánh được các đơn vị diện tích ta cần làm gì ?  - Yêu cầu HS làm VBT  - Gọi 2HS làm trên bảng lớp  - Mời HS nhận xét  - GV nhận xét  *- GV: Củng cố cách so sánh các đơn vị đo diện tích*  **Bài 11( trang 31 – VBT PTNL)**  - Yêu cầu HS đọc đề bài và phân tích bài toán.  - Bài toán cho biết gì và hỏi gì? Để tính được diện tích ta cần biết những gì?  ( GV lưu ý cho HS sau khi tính diện tích phải đổi về đơn vị ha)  - Yêu cầu HS làm VBT  - Gọi 1HS lên bảng làm bài.  - GV nhận xét, chốt kết quả  - Cho HS đổi chéo vở kiểm tra  *- GV: Củng cố lại cách giải bài toán liên quan đến đơn vị đo diện tích.*  **4. Vận dụng :**  - GV nhận xét tiết học.  - HS nêu lại nội dung bài | - HS thực hiện  - HS đọc đề  - HS nêu  - Cả lớp làm vào vở  - HS nêu kết quả  - Nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời  - Cả lớp làm vở BT  - 2HS làm bảng lớp  - HS lắng nghe  - HS đọc  - Đưa về cùng đơn vị rồi so sánh  - Cả lớp làm VBT  - HS thực hiện  - HS nhận xét  - HS đọc đề bài và phân tích  - HS trả lời  - HS làm VBT  - HS thực hiện  - HS đổi chéo vở kiểm tra  - HS lắng nghe  - HS nêu lại nội dung bài |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( NẾU CÓ):**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**....................................................................**

***Thứ sáu ngày 1 tháng 10 năm 2024***

***Buổi sáng* TIẾT 1: TOÁN 5**

**BÀI 24. EM VUI HỌC TOÁN (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết ý nghĩa của các chữ số trên mã bưu chính, biển số xe, mã vạch, số căn cước công dân.
* Thực hành làm công cụ học số thập phân.
* Vận dụng giải quyết một số vấn đề về số thập phân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Thông qua các hoạt động tìm hiểu tìm hiểu ý nghĩa các chữ số trên mã bưu chính, biển số, mã vạch, số căn cước công dân; hoạt động làm công cụ học số thập phân.
* Năng lực giao tiếp toán học: Hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm.
* Năng lực hợp tác: Hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án.
* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5.
* Máy tính, máy chiếu.
* Bảng phụ, phiếu học tập.
* Hình vẽ trong SGK.

**b. Đối với học sinh**

* SHS.
* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh về biển số xe, mã vạch, căn cước công dân, ….      - GV dẫn dắt: “*Trong cuộc sống, chúng ta sẽ gặp những con số ở khắp nơi như số điện thoại, số nhà, biển số xe, số căn cước công dân….Vậy ý nghĩa của những con số này là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay “****Bài 24: Em vui học toán****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  Nhận biết ý nghĩa của các chữ số trên mã bưu chính, biển số xe, mã vạch, số căn cước công dân **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Tìm hiểu ý nghĩa của những con số.*      - GV cho HS hoạt động nhóm bàn, tự tìm hiểu ý nghĩa của những con số về mã bưu chính, biển số xe, căn cước công dân, …. Ghi lại rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.  - GV yêu cầu HS nhóm khác đặt câu hỏi, bình luận, bổ sung thông tin cho nhóm trình bày.  - GV đặt câu hỏi để HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, lập luận, trả lời câu hỏi.  - Mở rộng: GV cho HS về nhà tìm hiểu thêm về ý nghĩa các con số xung quanh em (Số nhà, địa chỉ, số căn cước công dân của bố mẹ, …)  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT. | - HS quan sát, tìm hiểu.  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  **Ví dụ:**  *a) Mã bưu chính là những lý tự chữ hoặc số chỉ định vị địa chỉ chính xác của các bưu phẩm được quy định bởi Liên hiệp bưu chính toàn cầu.*  *Biển số xe được sử dụng để định danh và xác định các phương tiện giao thông, quản lý và kiểm soát xe cơ giới, đồng thời cung cấp thông tin quan trọng về pháp lý và sử dụng các phương tiện.*  *….*  *b) Ý nghĩa số căn cước công dân:*  *- 3 chữ số đầu tiên: là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh.*  *- Chữ số tiếp theo: cho biết thế kỷ được sinh ra và giới tính*  *- 2 chữ số tiếp theo: là hai chữ số cuối của năm sinh*  *- 6 chữ số cuối cùng: là khoảng số ngẫu nhiên.*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**......................................................................**

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT 6**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Xác định được nghĩa của từ đa nghĩa; nhận biết được nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.
* Biết tra từ điển tiếng Việt để tìm nghĩa của từ đa nghĩa; đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm về đa nghĩa, tìm hiểu nghĩa của từ đa nghĩa.
* *Năng lực tự chủ và tự học:*Biết vận dụng kiến thức vè trạng ngữ để đặt câu.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm : Bồi dưỡng ý thức ham học, ham tìm hiểu; hình thành thói quen thận trọng, cân nhắc khi sử dụng từ ngữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  **-** GV kiểm tra bài cũ:*Em hãy nhắc lại kiến thức về từ đa nghĩa.*  **-** GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét và nhắc lại kiến thức: *Từ đa nghĩa là từ nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và một (hay một số) nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ đa nghĩa bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.*  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới: *Ở tiết Luyện từ và câu trước, các em đã thế nào là từ đa nghĩa, thế nào là nghĩa gốc, nghĩa chuyển và lấy được một số ví dụ về từ đa nghĩa. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em tiếp tục luyện tập nhận biết từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa; sau đó, các em sẽ đặt câu để phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Nhận diện từ đa nghĩa**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS vận dụng kiến thức để nhận diện các từ đa nghĩa trong đoạn văn.  - Biết đặt câu có từ đa nghĩa  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời 1 − 2 HS đọc BT 1, 2, 3. Cả lớp đọc thầm theo:  *+ Câu 1: Tìm ở bên B lời giải thích hợp cho từ đầu trong mỗi câu ở bên A*    *+ Câu 2: Từ* ***đầu*** *trong câu nào ở bài tập 1 được dùng với nghĩa gốc?*  *+ Câu 3: Tra từ điển, tìm nghĩa của một trong các từ sau: quả, chín, ăn. Vì sao em biết đó là các từ đa nghĩa? Theo em, nghĩa được nêu đầu tiên là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*  - GV mời HS thảo luận nhóm đôi, làm các BT 1, 2, 3.  - GV mời một số nhóm báo cáo kết quả; các HS khác nêu ý kiến.  - GV nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng:  *+ Câu 1: a – 4; b – 1; c – 2; d – 3.*  *+ Câu 2: Từ đầu trong câu a) ở BT 1 được dùng với nghĩa gốc; ở các câu khác, từ đầu được dùng với nghĩa chuyển.*  *+ Câu 3:*  *Cây:*  *\* Thực vật có thân, lá rõ rệt, hoặc vật có hình thù giống những thực vật có thân, lá.*  *VD: cây tre, cây nấm; Ăn quả nhớ kẻ trồng cây (tục ngữ).*  *\* Từ dùng để chỉ từng đơn vị riêng lẻ thuộc loại vật có hình như cây.*  *VD: cây cột, cây nến, cây rơm.*  *\* Gỗ. VD: mua cây làm bàn ghế.*  *\*Từ dùng để chỉ người thông thạo đặc biệt về một mặt nào đó trong sinh hoạt, trong cuộc sống. VD: cây kể chuyện, cây văn nghệ.*  *\* Cây số (nói tắt tên gọi thông thường của ki-lô-mét). VD: Còn ba cây nữa là đến nơi.*  *\*Lạng (vàng). VD: một cây vàng.*  *Xinh:*  *\* Có hình dáng và những đường nét rất dễ coi, ưa nhìn (thường nói về trẻ em, phụ nữ trẻ). VD: Em bé rất xinh.*  *\* Có hình dáng nhỏ nhắn, thanh thoát, trông thích mắt. VD: Ngôi nhà xinh; Cây bút rất xinh.*  *Ăn:*  *\* Tự cho vào cơ thể thức ăn nuôi sống. VD: ăn cơm. \* Ăn uống nhân dịp gì. VD: ăn cưới, ăn liên hoan. (Máy móc, phương tiện vận tải) tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động. VD: xe ăn xăng.*  *\* Nhận lấy để hưởng. VD: ăn lương tháng. Phải nhận lấy, chịu lấy (cái không hay, hàm ý mỉa mai). VD: ăn đòn.*  *\* Giành về mình phần hơn, phần thắng (trong cuộc thi đấu). VD: ăn quân xe.*  *\* Hấp thu cho thấm vào, nhiễm vào trong bản thân. VD: Da ăn nắng.*  *\* Gắn, dính chặt vào nhau, khớp với nhau. VD: Hồ dán không ăn;*  *\* Phanh (thắng) xe không ăn. Hợp với nhau, tạo nên một cái gì hài hoà. VD: Hai màu rất ăn với nhau;*  *\* Người ăn ảnh.*  *\* Làm tiêu hao, huỷ hoại dần dần từng phần. VD: Sương muối ăn bạc trắng cả lá.*  *\* Lan ra hoặc hướng đến nơi nào đó. VD: Rễ cây ăn sâu vào lòng đất.*  *\* Là một phần ở ngoài phụ vào; thuộc về. VD: Đám đất này ăn vào xã bên.*  *\* (Đơn vị tiền tệ, đo lường) có thể đổi ngang giá. VD: Một đô la ăn mất nghìn đồng Việt Nam.*  **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS luyện tập bài.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV cho HS đọc nhiệm vụ BT4: *Đặt 2 câu với một từ đa nghĩa ở bài tập 3: 1 câu dùng tư theo nghĩa gốc, 1 câu dùng từ theo nghĩa chuyển*  - GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - GV nhận xét tiết học (khen ngợi, động viên HS).  - Hoàn thiện phần *Vận dụng*  - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: *Có công mài sắt, có ngày nên kim*. | - HS lắng nghe, chuẩn bị.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc bài.  - HS thảo luận nhóm.  - HS báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc thầm BT.  - HS đọc nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe, thực hiện |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**.............................................................**

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT 7**

**GÓC SÁNG TẠO: CÓ CÔNG MÀI SẮT, CÓ NGÀY NÊN KIM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Biết viết đoạn văn giới thiệu một tác phẩm đã đọc (hoặc nghe, xem) về người có ý chí, nghị lực (hoặc đoạn văn nêu cảm nghĩ về một câu tục ngữ đã học trong Bài 4). Giới thiệu được bài viết với các bạn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi với bạn về các sản phẩm.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* Tự tìm kiếm thông tin để viết bài.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Viết đoạn văn trang trí, trang trí bài viết của mình.

***Năng lực văn học:***

* Biết chọn một số thông tin nổi bật để giới thiệu, viết có cảm xúc.

**3. Phẩm chất**

* Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: Thông qua các hoạt động nhóm, trao đổi trong bài học, biết trân trọng và yêu quý bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* SGK Tiếng Việt 5, SGV Tiếng Việt 5.
* Máy tính, máy chiếu.

**b. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu**  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài: *Hai tuần nay, các em đã học nhiều câu chuyện, bài thơ, bài văn và đã thảo luận về chủ điểm Có chí thì nên. Hôm nay, trong HĐ Góc sáng tạo, chúng ta sẽ viết đoạn văn về chủ điểm này và giới thiệu bài viết của mình với các bạn và cô (thầy) nhé!*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Viết đoạn văn (hoặc đoạn giới thiệu tác phẩm, đoạn nêu cảm nghĩ về câu tục ngữ) (BT 1)**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS viết đoạn văn theo yêu cầu..  **b. Tổ chức thực hiện**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đề bài (thực hiện nhanh)**  - GV mời 2 HS nối tiếp đọc 2 đề bài. Cả lớp theo dõi, đọc thầm theo; quan sát tranh gợi ý trong SGK:  *+ Đề 1: Viết đoạn văn giới thiệu một tác phẩm mà em đã đọc (hoặc nghe, xem) về người có ý chí, nghị lực. .*  *+ Đề 2: Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một câu tục ngữ mà em đã học ở Bài 4. Trang trí cho bài viết.*  - GV nhắc HS: *Các em có thể chọn để 1 hoặc đề 2. Chú ý chọn từ ngữ phù hợp để bài viết có hình ảnh và giàu cảm xúc. Sau khi viết xong, các em nhớ trang trí sản phẩm bằng ảnh, tranh các em sưu tầm hoặc tự vẽ.*  - GV mời một số HS nói: *Em sẽ chọn đề nào? Em sẽ viết gì trong đoạn văn của minh?*  - GV mời HS chia sẻ.  - GV nhận xét và gợi ý, VD: *Em viết đoạn văn giới thiệu thầy Nguyễn Ngọc Ký, NickVuji, ….*  **Nhiệm vụ 2: Làm bài**  - GV hướng dẫn HS để lên bàn những gì đã chuẩn bị: sổ tay, giấy màu, bút màu, kéo, hồ dán, hoặc ảnh, tranh cắt dán, tranh HS tự vẽ (nếu có).  - GV hướng dẫn HS viết (theo quy tắc Bàn tay).  - GV tổ chức HS viết bài. GV đến từng bàn để hướng dẫn và giúp đỡ, khích lệ HS.  **Hoạt động 2: Thuyết trình, tổ chức các hoạt động phối hợp**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - HS thuyết trình trước lớp về gian sách.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời một vài HS tiếp nối nhau đọc bài viết của mình .  - GV tổ chức cho cả lớp và GV nhận xét, bình chọn sản phẩm (giơ tay hoặc vỗ tay,... bình chọn) theo các tiêu chí: *bài viết hay, trình bảy đẹp, bạn trình bày rõ ràng, hấp dẫn.*  **\* CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - Nếu có các GV trong trường và phụ huynh HS tham dự, GV mời một thầy cô hoặc phụ huynh HS phát biểu động viên HS trong lớp.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS, nhóm HS hoàn thành tốt BT.  - GV nhắc HS thực hiện tự đánh giá ở nhà. | - HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.  - HS đọc đề bài.  - HS lắng nghe.  - HS nói.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS viết bài  - HS đọc bài viết.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TIẾT 4: TIẾNG VIỆT TĂNG**

**ÔN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Tiếp tục ôn tập kiến thức kết hợp luyện tập để củng cố về từ đa nghĩa

- Có khả năng xác định đúng, không nhầm lẫn từ đa nghĩa với từ đồng âm.

- Vận dụng dùng từ đa nghĩa để ngôn ngữ diễn đạt thêm phong phú.

**II - ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

- GV: Bảng phụ ghi nội dung bài 1, 2, 3, 4

**III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**1. Hoạt động**: **Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| + Thế nào là từ đa nghĩa?  + Lấy ví dụ từ đa nghĩa là danh từ, động từ, tính từ.  +Hãy phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của một từ đa nghĩa.  + Lấy một ví dụ từ đa nghĩa rồi đặt câu với các từ đó.  - GV nhận xét, khuyến khích HS lấy càng nhiều ví dụ đúng càng tốt; sau đó chốt kiến thức. | \* Hoạt động cả lớp.  - HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến.  - HS lấy ví dụ về từ đa nghĩa là danh- động - tính từ rồi phân tích nghĩa gốc, nghĩa chuyển của một số từ đó.  - HS cho ví dụ về từ đa nghĩa rồi đặt câu  - HS đặt câu  - HS khác nhận xét, bổ sung |

**2. Hoạt động**: **Thực hành, luyện tập**

- GV lần lượt đưa trên máy chiếu bài 1, 2, 3, 4

**Bài 1:***Tìm lời giải nghĩa ở cột B thích hợp với từ đứng ở cột A trong mỗi câu dưới đây:*

**A** **B**

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Tôi *đứng* bán hàng suốt từ sáng đến giờ, mỏi cả chân rồi. | a.Điều khiển ở tư thế đứng |
| 2.Ông Kô-phi A-nan là người *đứng* đầu tổ chức Liên hợp quốc | b.ở vào trạng thái ngừng chuyển động, phát triển. |
| 3.Ông bố *đứng* ra bảo lãnh cho câu con quý tử | c.Tư thế thân thẳng, chân đặt trên mặt nền, chống đỡ cả toàn thân( Người, động vật) |
| 4.Từ sáng đến giờ, trời *đứng* gió. | d.ở vào vị trí nào đó. |
| 5. Chị ấy có thể *đứng* một lúc năm máy. | e.Tự đặt mình vào một vị trí , nhận thấy một trách nhiệm nào đó. |
| - GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân.  - GV chốt đáp án đúng.  ***Đáp án: 1-c, 2-d, 3-e, 4-b, 5-a***  **Bài 2:***Tìm các từ đa nghĩa trong đoạn thơ sau.Nói rõ nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từng từ tìm được.*  **...**ở trong chiếc bút  Lại có ruột gà  Trong mũi người ta  Có ngay lá mía.  ...Chân bàn chân tủ  Chẳng bước bao giờ.  ...Lạ cho giọt nước  Lại biết ăn chân.  ...Sóng lúa lại bơi  Ngay trên ruộng cạn  Lạ cho ống muống  Ôm lấy bấc đèn  Quyển sách ta xem  Mọc ra cái gáy  Quả đồi lớn vậy  Sinh ở cây gì.  ...Cối xay rất điệu  mặc áo hẳn hoi.  ...Chiếc đũa rất nhộn  Có cả hai đầu.  Theo Quang Huy  **Bài 3:** Trong những câu nào dưới đây, các từ **đi, chạy** mang nghĩa gốc và trong những câu nào chúng mang nghĩa chuyển?  **a.Đi: -**Nó chạy còn tôi **đi.**  -Anh **đi** ô tô, còn tôi **đi** xe đạp  - Cụ ốm nặng, đã **đi** hôm qua rồi.  - Thằng bé đã đến tuổi **đi** học.  - Ca nô **đi** nhanh hơn thuyền.  - Anh **đi** con mã, còn tôi đi con tốt.  - Ghế thấp quá, không **đi** được với bàn.  **b. Chạy**  - Cầu thủ **chạy** đón quả bóng.  - Đánh kẻ chạy đi, ai đánh người **chạy** lại.  -Tàu **chạy** trên đường ray.  - Đồng hồ này **chạy** chậm.  - Mưa ào xuống, không kịp **chạy** các thứ phơi ngoài sân.  - Nhà ấy **chạy** ăn từng bữa.  - Con đường mới mở **chạy** qua làng tôi.  *\*GV chốt đáp án đúng.*  **Bài 4:***Với mỗi nghĩa dưới đây của từ mũi, hãy đặt một câu.*  a.Bộ phận trên mặt người và động vật, dùng để thở và ngửi.  b.Bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của một số đồ vật.  c.Đơn vị lực lượng vũ trang có nhiệm vụ tấn công theo một hướng nhất định.  - GV chấm, khen những HS đặt câu hay. | - HS nêu Y/C.  - HS làm bài  - Chữa bài, lớp nhận xét.  - HS nêu Y/C.  - HS tự làm bài, báo cáo kết quả, cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung.  *đáp án:*  *- Các từ đa nghĩa trong đoạn thơ trên là:ruột gà, lá mía, chân, ăn, sóng, ống muống, gáy, quả, áo, đầu.*  *- Các từ này được dùng với nghĩa chuyển.(ẩn dụ )*  - HS nêu y/c.  - HS làm nhóm đôi.  - Báo cáo KQ, lớp nhận xét.  *Đâp án:*  *a.Từ* ***đi*** *trong câu: “ Nó chạy còn tôi đi.”*  *mang nghĩa gốc.*  *Từ* ***đi*** *trong các câu còn lại mang nghĩa chuyển.*  *b.Từ* ***chạy*** *trong câu: “ Cầu thủ* ***chạy*** *đón quả bóng.”mang nghĩa gốc.*  *Từ* ***chạy*** *trong các câu còn lại mang nghĩa*  *chuyển.*   * HS đọc ND BT. * Nêu Y/C. * Làm bài cá nhân.   *VD:a.Lan có khuôn mặt trái xoan, mũi thẳng, cằm vuông.*  *b.Tôi ngồi ở mũi thuyền.*  *c. Đơn vị chia làm hai mũi tiến công.* | |

**3. Hoạt động**: **Vận dụng, trải nghiệm**

- Nhận xét giờ học:

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**............................................................**

**Buổi chiều TIẾT 1: KHOA HỌC**

**BÀI 5: NĂNG LƯỢNG VÀ NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT( tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Trong bài học này, HS sẽ tìm hiểu:

* Một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.
* Một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.
* Biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.
* Việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ và tự học:* Tích cực tìm hiểu về năng lượng, năng lượng chất đốt và việc sử dụng chúng trong cuộc sống; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả nhóm.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất cách sử dụng nguồn năng lượng chất đốt mà không gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường.

***Năng lực khoa học tự nhiên:***

* Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hằng ngày.
* Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất.
* Trình bày được biện pháp phòng chống cháy, nổ, ô nhiễm khi sử dụng năng lượng chất đốt.
* Nêu và thực hiện được việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng chất đốt.

**3. Phẩm chất**:

* *Nhân ái*: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* *Chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* *Trách nhiệm*: Có ý thức và thực hiện sử dụng năng lượng chất đốt an toàn, tiết kiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên:**

* Giáo án, máy tính, máy chiếu.
* Hình ảnh, video liên quan đến bài học.
* Phiếu học tập.

**2. Đối với học sinh:**

* SHS.
* Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** HS nêu được nguồn năng lượng chất đốt với hiểu biết ban đầu.  **b. Cách tiến hành:**  - HS chơi trò chơi Đố bạn nêu lại sử dụng tiết kiệm, an toàn chất đốt.  - GV nhận xét khen ngợi HS  **\* Thực hiện tiết kiệm chất đốt**  **a. Mục tiêu:** Thực hiện được các hành động cụ thể để tiết kiệm chất đốt.  **b. Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS đọc mục Con ong SGK trang 28 để biết được tầm quan trọng của việc sử dụng tiết kiệm chất đốt.  - GV hướng dẫn HS thực hiện tiết kiệm chất đốt theo ba bước:  *Bước 1: Tìm hiểu những việc làm tiết kiệm chất đốt qua sách, báo, internet,….*  *Ví dụ: Tắt bếp khi không sử dụng; Điều chỉnh ngọn lửa phù hợp khi đun;…*  *Bước 2: Trao đổi thông tin trong nhóm và lựa chọn hình thức báo cáo (thuyết trình, báo tường, poster,…).*  *Bước 3: Báo cáo, chia sẻ trước lớp.*  - GV quan sát các nhóm làm việc, hỗ trợ (nếu cần)*.*  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS có phần trình bày hay, sáng tạo.  - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi: *Ở gia đình và địa phương em sử dụng những biện pháp nào để giảm ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt? Đánh giá việc thực hiện sử dụng chất đốt an toàn và tiết kiệm ở gia đình em.*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS biết sử dụng các biện pháp hợp lí để giảm ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt.  - GV nêu câu hỏi vận dụng: *Em và gia đình cần làm gì để sử dụng chất đốt an toàn và tránh lãng phí?*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS có ý thức sử dụng chất đốt an toàn, tiết kiệm.  **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** HS củng cố lại các kiến thức đã học về năng lượng và năng lượng chất đốt.  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ các đáp án (A, B, C, D). GV tổ chức cho HS chơi trò *trắc nghiệm*.  - GV nêu luật chơi:  *+ GV chiếu câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, GV chiếu các đáp án.*  *+ Theo hiệu lệnh của GV, đại diện các nhóm lần lượt giơ thẻ đáp án của nhóm mình.*  *+ Nhóm nào trả lời được nhiều đáp án đúng nhất sẽ chiến thắng.*  - GV mời cả cả lớp cùng tham gia trò chơi:  ***Câu 1:*** *Con người lấy năng lượng từ*  *A. thức ăn.*  *B. gió.*  *C. nước.*  *D. chất đốt.*  ***Câu 2:*** *Thuyền buồm sử dụng năng lượng*  *A. Mặt Trời.*  *B. gió.*  *C. xăng.*  *D. điện.*  ***Câu 3:*** *Ý nào sau đây* ***không*** *phải năng lượng chất đốt?*  *A. Than đá.*  *B. Dầu mỏ.*  *C. Khí sinh học.*  *D. Điện.*  ***Câu 4:*** *Loại khí sinh ra khi sử dụng chất đốt, làm ô nhiễm không khí là*  *A. ni-tơ.*  *B. ô-xi.*  *C. các-bô-níc.*  *D. nước.*  ***Câu 5:*** *Các nguồn năng lượng chất đốt*  *A. không phải là vô tận.*  *B. là vô tận.*  *C. thân thiện với môi trường.*  *D. không gây ô nhiễm không khí.*  - Với mỗi câu hỏi, GV mời đại diện nhóm trả lời đúng giải thích tại sao các đáp án còn lại sai. Các nhóm khác chú ý lắng nghe để nhận xét. GV chốt lại đáp án sau mỗi câu hỏi.  - Kết thúc trò chơi, GV nhận xét chung, công bố nhóm chiến thắng và tuyên dương.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề.  **b. Cách thức thực hiện**:  - GV nêu câu hỏi: *Sử dụng các từ ngữ: đốt cháy, tỏa nhiệt, năng lượng để điền vào chỗ ... trong đoạn văn dưới đây cho phù hợp.*  *“Khi bị (1) ..................., củi phát ra ánh sáng và (2) ................... làm môi trường xung quanh sáng và nóng lên, có thể làm chín thức ăn. Củi bị đốt cháy đã cung cấp (3) .................... để phát sáng và đun, nấu thức ăn.”*  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời tốt và chốt lại câu trả lời đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV tổng kết lại nội dung kiến thức chủ yếu của cả bài học về năng lượng và năng lượng chất đốt.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia củaHS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Làm bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước bài sau ***– Bài 6. Năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió và năng lượng nước chảy.*** | - HS thực hiện  - HS đọc bài.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn.  - HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của GV.  - HS trình bày, ví dụ:  *+ Không bật điện khi không sử dụng.*  *+ Hạn chế bật đèn vào ban ngày.*  *+ Chọn các sản phẩm có dán nhãn tiết kiệm năng lượng.*  *+...*  - HS lắng nghe, phát huy.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời, ví dụ:  *+ Biện pháp giảm ô nhiễm môi trường khi sử dụng chất đốt: tiết kiệm chất đốt; kiểm tra, bảo dưỡng định kì bộ phận lọc khí thải,...*  *+ Gia đình em đã thực hiện sử dụng chất đốt an toàn và tiết kiệm.*  - HS lắng nghe, phát huy.  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  - HS trả lời, ví dụ:  *+ Trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy tại gia đình.*  *+ Thường xuyên kiểm tra bình chứa và ống dẫn xăng, dầu, gas để tránh rò rỉ.*  *+ Chọn mức lửa phù hợp khi đun nấu.*  *+...*  - HS lắng nghe, tiếp thu, phát huy.  - HS ổn định nhóm, nhận bộ thẻ đáp án từ GV.  - Các nhóm chú ý lắng nghe GV phổ biến luật chơi.  - HS tích cực tham gia trò chơi.  - HS trả lời:  *Câu 1. A.*  *Câu 2. B.*  *Câu 3. D.*  *Câu 4. C*  *Câu 5. S.*  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời:  *(1) đốt cháy.*  *(2) tỏa nhiệt.*  *(3) năng lượng.*  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung kiến thức trọng tâm.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho các tiết học sau.  - HS chú ý lắng nghe và về nhà thực hiện các yêu cầu của GV. |

**..........................................................................**

**TIẾT 2: TOÁN TĂNG**

**ÔN TẬP VỀ CÁC ĐƠN VI ĐO DIỆN TÍCH ĐÃ HỌC**

**Ι. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS ôn tập và củng cố về đổi số đo diện tích, mối quan hệ giữa các đơn vị đo. Rèn kĩ năng chuyển đổi các đơn vị đo, so sánh và giải bài tập liên quan.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học,

- GD học sinh tính chính xác, cẩn thận.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

**-** Máy chiếu (BT2).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động khởi động**  - Nêu tên các đơn vị đo diện tích đã học?  - Mối quan hệ giữa hai đơn vị đo liền kề ?  KL : Trong 2 đơn vị đo diện tích liền nhau, đơn vị lớn gấp 100 lần đơn vị bé ; đơn vị bé bằng  đơn vị lớn. Mỗi đơn vị đo diện tích ứng với 2 chữ số.  ***2*. Hoạt động luyện tập**  **Bài 1 :** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  5 hm2 40 m2 = …….m2  15 dm2 400 cm2=…….cm2  75 dm2 76 cm2=.......... cm2  4050 dm2=......m2…......dm2  3080 hm2=...........km2.........hm2  5107 mm2 =........ cm2..........mm2  - GV chốt : *cách đổi các đơn vị đo diện tích từ*  *danh số phức về danh số đơn và ngược lại.*  **Bài 2(** Máy chiếu**)** :  Người ta lát sàn một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 6m, chiều rộng 3m bằng những mảnh gỗ hình chữ nhật có chiều dài 90cm, chiều rộng 20cm. Hỏi cần bao nhiêu mảnh gỗ để lát kín sàn căn phòng đó ?  - Y/c HS tự làm bài- 1 HS lên bảng  - Hướng dẫn những HS còn lúng túng  - GV + HS nhận xét, đánh giá, bổ sung cho HS (nếu cần)  - Gọi HS nêu câu hỏi mở rộng,  VD : *Mỗi mảnh gỗ giá 7200 đồng, tính số tiền mua*  *mảnh gỗ lát sàn căn phòng đó ?*  => Chốt cách tìm số mảnh gỗ (viên gạch) dùng để lát nền khi biết kích thước nền và kích thước mảnh gỗ (viên gạch). | *- HS đặt câu hỏi, gọi bạn trả lời.*  - Đọc lại bảng đơn vị đo diện tích (đọc xuôi, đọc ngược).  - HS đọc yêu cầu, làm bài vào vở .  - 2 em lên chữa bài.  - HS đổi vở KT chéo kq.  - Giải thích cách làm  - Nêu lại bảng đơn vị đo diện tích.  - HS đọc đề, 2HS phân tích đề.  - Định hướng giải :  Diện tích một mảnh gỗ là :  90 x 20 = 1800 (cm2)  Diện tích sàn căn phòng là :  6 x 3 = 18 (m2)  18 m2 = 180 000 cm2  Số mảnh gỗ để lát sàn căn phòng đó là :  180 000 : 1800 = 100 (mảnh)  Đáp số : 100 mảnh gỗ.  - HS tính kết quả và trả lời. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 3:** Một hình vuông có chu vi 1m 4cm. Một HCN có trung bình độ dài 2 cạnh bằng độ dài cạnh HV và có chiều dài hơn chiều rộng 10 cm . Hỏi S hình nào lớn hơn và hơn bao cm2.  - Gợi ý:  + Bài toán cho biết gì? BT hỏi gì?  + Nêu dạng toán của BT?  + Em hãy nêu cách giải?  YC HS tự làm bài, KT lại cách làm và kết quả.  - Chữa bài, nhận xét cách trình bày bài của HS.  - GV + HS nhận xét, đánh giá, bổ sung cho HS (nếu cần)  - Củng cố cách tính diện tích hình chữ nhật, HV và dạng toán TBC. | - HS đọc đề, 2HS phân tích đề.  - HS nêu dạng toán và hướng giải.  Giải  Đổi 1m 4cm = 104 cm  Cạnh HV: 104: 4 = 26( cm)  Diện tích hình vuông là: : 26 x 26 = 676(cm2)  Nửa chu vi HCN: 26 x2 = 52(cm)  Chiều rộng HCN:  (52 – 10) : 2 = 21(cm)  Chiều dài HCN: 52 – 21 = 31(cm)  Diện tích hình chữ nhật là: 31x 21 = 651(cm2)  Vì 676cm2> 651cm2 nên diện tích hình vuông lớn hơn diện tích hình chữ nhật và hơn số xăng ti mét vuông là: 676 – 651 = 25 (cm2)  Đ/s: 25 cm2 |

**3. *Hoạt động vận dụng***:

- Hệ thống bảng đơn vị đo diện tích và mối quan hệ giữa chúng.

- Nhận xét tiết học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**TIẾT 3: SINH HOẠT**

**HĐTN: *Chủ đề 2: Hành trình khôn lớn (tháng 10). Góc giải toả cảm xúc***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng đặc thù:***

* *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* thiết kế, xây dựng *Bí kíp cảm xúc* và thực hành kiểm soát cảm xúc.

**3. Phẩm chất**

* *Trách nhiệm:* có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong hoạt động nối tiếp và các hoạt động trong nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Phiếu tổng hợp tư liệu, sản phẩm cá nhân,…
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề

**2. Đối với học sinh**

* SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.
* Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.
* Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS:  - Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  - Bầu chọn được ban cán sự lớp cho năm học mới  **b. Cách tiến hành**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 8 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 9.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Góc giải tỏa cảm xúc**  **a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HSthiết kế được một góc trong lớp để các bạn có thể chia sẻ và giải toả cảm xúc của mình mỗi ngày.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Viết những thông điệp về cách kiểm soát cảm xúc của bản thân gửi tới các bạn trong lớp***  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị những mảnh giấy màu có hình đa dạng, sinh động (hình trái tim, đám mây, mặt trời, bông hoa,...).  - GV nêu nhiệm vụ làm việc cá nhân: *Suy nghĩ và viết lên những mảnh giấy màu những thông điệp về cách kiểm soát cảm xúc của bản thân để gửi tới các bạn trong lớp*.  - GV khuyến khích HS viết được nhiều thông điệp hay và ý nghĩa. HS có thể trang trí cho các thông điệp thật sinh động.  - GV mời một số HS chia sẻ về những điều đã viết với các bạn.  ***Nhiệm vụ 2. Chia sẻ về những điều đã viết và đặt vào góc Giải tỏa cảm xúc***  - GV mời một số HS chia sẻ về những điều đã viết với các bạn.    - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí.  ***Nhiệm vụ 3: Thảo luận về cách sử dụng góc Giải tỏa cảm xúc.***  - GV tổ chức cho HS thảo luận ý tưởng thiết kế góc *Giải toả cảm xúc* để các bạn trong lớp có thể chia sẻ và giải toả cảm xúc của mình mỗi ngày, nhận được lời khuyên hợp lí khi gặp cảm xúc tiêu cực.  - GV gợi ý cho HS:  + Chọn vị trí đặt góc *Giải toả cảm xúc*.  + Thiết kế, trang trí góc *Giải toả cảm xúc*.  - GV hướng dẫn HS đặt những thông điệp mình đã viết vào và trao đổi về cách sử dụng góc *Giải toả cảm xúc*.  - GV gợi ý: Mỗi khi bạn gặp tình huống làm nảy sinh những cảm xúc không mong muốn, bạn có thể đến góc *Giải toả cảm xúc* để đọc các thông điệp, đón nhận tình cảm của bạn bè, giúp mình bình tĩnh, thư thái hơn.  - GV hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề *Hành trình khôn lớn*. HS hoàn thành *Phiếu tự đánh giá sau chủ đề* trong *Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 5.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Em tự đánh giá kết quả học được từ chủ đề theo gợi ý | | | | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành | | - Nhận diện được sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ. | | | | - Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân | | |   **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn tập kiến thức đã học.  + Chuẩn bị trước ***Chủ đề 3 – Tuần 9.*** | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS thực hiện.  - HS chia sẻ.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thảo luận.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hiện.  - HS tham khảo.  - HS tự đánh giá.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, ghi chú. |

**PHẦN 2: SINH HOẠT ĐỘI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hiểu được ý nghĩa lời dạy Bác Hồ

- Biết tìm ra phương pháp học tập tốt cũng như biết lập kế hoạch học tập cho bản thân.

- Có thái độ học tập tích cực và giúp đỡ bạn bè cùng nhau tiến bộ.

**II. CÁC HOẠT ĐÔNG CHỦ YẾU:**

I- Nghi lễ: Chi đội trưởng chỉ đạo buổi sinh hoạt

1. Chào cờ:- Quốc ca - Đội ca.

- Khẩu hiệu:Vì tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì lý tưởng của bác hồ vĩ đại.Sẵn sàng

2. Tuyên bố lý do – Giới thiệu chủ đề tháng 10:**“ Chăm ngoan, học giỏi”**

3. Thông qua nội dung của buổi sinh hoạt.

II- Đánh giá- nhận xét

Phần 1: Đánh giá nhận xét của từng phân đội trong tuần 1:

- Tiếp tục ổn định mọi nền nếp hoạt động

- Tiếp tục triển khai các bài tập TDGG và múa hát TT.

- Bồi dưỡng đội tuyển, câu lạc bộ Tiếng Anh, Tin học, cờ vua, bóng đá….

- Họp BCH liên đội, củng cố đội trực cờ đỏ,rút kinh nghiệm.

- Học thuộc một bài hát về mẹ hoặc cô giáo.

Phần 2 : Đánh giá chung của Chi đội trưởng; xếp loại từng phân đội

Phần 3: ý kiến phát biểu của cô phụ trách:

Nhận xét chung về thực hiện nề nếp CTĐ tuần 1

Phần 4: Sinh hoạt theo chủ điểm

III -Kết thúc:- Chào cờ: đứng nghiêm khoảng 1'

*Duyệt ngày......tháng ... năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Phó hiệu trưởng***  ***Nguyễn Thị Hằng*** |